

Đồng Nai, ngày 09 tháng 4 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.
- Mã chứng khoán: DVW
- Trụ sở chính: Số 52 Cách mạng tháng 8, Phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3941679 Fax: (0251) 3840797
- Email: dvxcdn@yahoo.com.vn Website: www.dvxcdn.com
- Người thực hiện công bố thông tin: **Trịnh Hùng Sơn**
- Chức vụ: Giám đốc Công ty
- Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai (đính kèm Báo cáo)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 09/4/2025 tại đường dẫn <https://dvxcdn.com/QuanHeCoDong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Trịnh Hùng Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024

MỤC LỤC

PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG



- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
- Giải trình của Ban Giám Đốc đối với ý kiến kiểm toán

PHẦN 4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

PHẦN 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2024



- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Báo cáo tài chính

THÔNG TIN CHUNG

01

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên doanh nghiệp	: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 3600978879 do Sở kế hoạch tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/12/2024
Mã cổ phiếu	: DVW
Vốn điều lệ	: 23.450.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 23.450.000.000 đồng
Địa chỉ	: Số 52 đường Cách mạng tháng 8, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	: 0251 3941679
Số fax	: 0251 3840797
Website	: https://www.dvxdcn.com/
Email	: dvxdcn@yahoo.com.vn

Logo





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NĂM 2007

Năm 2007: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tiền thân là Xí nghiệp Thiết kế Xây dựng – một đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 3058/UBND ngày 24/09/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.



NĂM 2008

Năm 2008: Ngày 16/01/2008, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được tổ chức thành công, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần có vốn góp Nhà nước (trong đó tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia là 51% và vốn cổ đông khác là 49% trên vốn điều lệ).



NĂM 2011

Năm 2011: Ngày 09/03/2011, tỷ lệ vốn góp của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai giảm từ 51% xuống còn 36% theo Công văn chấp thuận số 1644/ UBND – KT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.



NĂM 2014

Năm 2014: Tháng 06/2014, Dự án nhà máy nước Hóa An công suất 15.000 m³/ ngày đêm chính thức đưa vào hoạt động.



NĂM 2013

Năm 2013: Tháng 03/2013, Dự án nhà máy nước Hóa An (xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) với Công suất 15.000 m³/ ngày đêm do Công ty làm chủ đầu tư được khởi công.



NĂM 2016

Năm 2016: Từ ngày 26/08/2016, Công ty tiếp nhận vận hành và quản lý hệ thống Cấp nước và khách hàng sử dụng nước của 4 phường xã Hòa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa và Tân Vạn thuộc thành phố Biên Hòa từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai theo Thông báo số 95/T -CN ngày 31/05/2016 và Công văn số 45/CV-HĐQT ngày 21/07/2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NĂM 2017

Năm 2017: Ngày 12/10/2017, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai trở thành Công ty đại chúng theo Quyết định số 6848/UBCK-GS-DC Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 29/12/2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 241/2017/GCNCP-VSD cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai với số lượng chứng khoán đăng ký là 1.675.000 cổ phiếu.



NĂM 2018

Năm 2018: Kể từ ngày 06/06/2018, Công ty đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận hồ sơ đăng ký và chính thức giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom; Ngày 23/08/2018, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600978879 đăng ký thay đổi lần thứ 7 do thay đổi vốn điều lệ từ 16,75 tỷ đồng thành 23,45 tỷ đồng. Hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 23,45 tỷ đồng. Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 2.345.000 cổ phiếu.



NĂM 2019

Năm 2019: Ngày 11/07/2019, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600978879 đăng ký thay đổi lần thứ 8 do thay đổi Giám đốc.



NĂM 2024

Năm 2024: Ngày 03/12/2024, Công ty được Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 do Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính (thực hiện theo Nghị quyết số 1194/NQ-UBT-VQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025.)



NĂM 2023

Năm 2023: Ngày 04/05/2023, Công ty được Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 do Công ty bổ nhiệm mới người đại diện pháp luật đồng thời là Giám đốc Công ty.



CÁC SỰ KIỆN KHÁC



Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn năm 2012, 2015 và 2016 của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai



Giấy khen đạt thành tích trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn năm 2014 và 2015 của Công đoàn Tổng Công ty Sonadezi



Giấy khen Công đoàn cơ sở vững mạnh năm 2015



Bằng khen Đơn vị tổ chức điều kiện sống và làm việc của công nhân viên chức ngành xây dựng năm 2012 được Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam công nhận theo Quyết định ngày 24/01/2013



Bằng khen Đơn vị tổ chức điều kiện sống và làm việc của công nhân viên chức ngành xây dựng năm 2012 được Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam công nhận theo Quyết định ngày 24/01/2013



Bằng khen Tổ Công đoàn xuất sắc cho 6 tổ Công đoàn trực thuộc Công đoàn cơ sở Công ty (Quyết định số 13/QĐKT-CĐTCT ngày 15/01/2019);



Giấy khen đạt thành tích tập thể lao động tiên tiến năm 2019 theo Quyết định số 69/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2019 do Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai trao tặng



Bằng khen tập thể lao động tiên tiến năm 2020 số 14-TB-HĐĐKT ngày 12/01/2021



Ngoài ra còn có: 12 Giấy khen đơn vị đạt thành tích tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc từ năm 2009 đến năm 2020 do Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai cấp theo các Quyết định khen thưởng theo từng năm





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai kinh doanh trong 02 ngành nghề chính là hoạt động ngành cấp nước và hoạt động xây lắp:

HOẠT ĐỘNG NGÀNH CẤP NƯỚC

- Sản xuất kinh doanh nước sạch
- Khai thác nước và phân phối nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp

HOẠT ĐỘNG XÂY LẮP

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp
- Lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, lắp đặt bơm
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm lĩnh vực xây lắp, thi công lắp đặt hệ thống nước và dịch vụ cấp nước. Riêng hoạt động cung cấp nước sạch, phạm vi cấp nước hiện nay của Công ty là các phường xã phía Tây Nam thành phố Biên Hòa, bao gồm 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn.





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRI, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRI

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan, với cơ cấu bộ máy quản lý được tổ chức như sau:

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các Cổ đông sở hữu Cổ phần có quyền biểu quyết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRI

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Số lượng thành viên HĐQT Công ty là 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên HĐQT không điều hành.

BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện công tác giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quá trình quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Số lượng thành viên của BKS là 03 thành viên.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc chuyên trách, có trách nhiệm lãnh đạo hoạt động toàn Công ty. Công ty có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh đúng quy trình quy định.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRI

BAN KIỂM SOÁT

BAN GIÁM ĐỐC

NHÀ MÁY NƯỚC
HÓA AN

TỔ XÂY DỰNG

TRẠM GIAO DỊCH
HÓA AN

ĐỘI THI CÔNG 2

ĐỘI THI CÔNG 1

PHÒNG TÀI
CHÍNH
KẾ TOÁN

TRẠM BƠM
NƯỚC
HÓA AN

PHÒNG KỸ
THUẬT

PHÒNG KẾ
HOẠCH
TỔNG HỢP



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan, với cơ cấu bộ máy quản lý được tổ chức như sau:



Kế thừa và phát triển từ kết quả năm 2024: Trên cơ sở đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2024, tập thể cán bộ công nhân viên công ty quyết tâm giải quyết triệt để các điểm còn hạn chế, đồng thời phát huy tinh thần chủ động, đoàn kết và đổi mới. Tiếp tục nỗ lực để hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã được đề ra cho năm 2025.



Duy trì ổn định và tăng trưởng sản xuất: Nâng cao hiệu quả hoạt động, khai thác tối ưu mọi nguồn lực và lợi thế của công ty nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo cung cấp nước đầy đủ, an toàn và liên tục cho các khu dân cư và doanh nghiệp trong phạm vi phục vụ của Công ty.



Đẩy mạnh số hóa và ứng dụng công nghệ: Triển khai sâu rộng công tác số hóa và ứng dụng các phần mềm vào quản lý sản xuất, quản lý và điều hành Công ty. Củng cố công tác quản trị doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ công bố thông tin đến cổ đông theo đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch và định hướng rõ ràng.



Ưu tiên giảm thất thoát nước: Tập trung thực hiện một cách triệt để và đồng bộ các biện pháp phòng chống thất thoát nước, xác định đây là nhiệm vụ hàng đầu để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; tư vấn và xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể cho mục tiêu giảm thất thoát nước.



Mở rộng mạng lưới và phát triển khách hàng: Tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương trong việc đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước đến các khu vực dân cư. Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng nước cung cấp và tiêu thụ. Đồng thời, chú trọng chăm sóc khách hàng hiện tại thông qua việc thiết lập các kênh liên lạc hiệu quả và nâng cao chất lượng dịch vụ.



Hoàn thiện kênh thanh toán và giảm tồn thu: Tiếp tục phát triển và hoàn thiện các kênh thanh toán tiền nước đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng, từ đó giảm thiểu tỷ lệ tồn thu. Công ty đã thiết lập mối liên kết với các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để triển khai dịch vụ thu hộ tiền nước, hỗ trợ khách hàng



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai đề ra các chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:



Phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước làm động lực để nâng công suất nhà máy nước Hóa An từ 15.000 m³/ngày đêm lên 20.000 m³/ngày đêm. Duy trì ổn định sản xuất và đảm bảo cung cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước của 4 phường Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc cung cấp, sử dụng nước và công tác phòng chống thất thoát nước. Đồng thời, tập trung phối hợp với UBND và các Phòng ban thành phố Biên Hòa, thực hiện thu đất đền bù giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Nhà máy nước Hóa An theo quy định.



Thường xuyên học hỏi và tiếp thu Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco), các công ty cùng thuộc Dowaco và các doanh nghiệp cùng ngành trong công tác thực hiện các biện pháp cấp nước an toàn và hiện đại.



Luôn luôn cập nhật thông tin để nắm bắt cơ hội tham gia đấu thầu các dự án có liên quan đến thi công công trình cấp nước sinh hoạt và công nghiệp hoặc các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty để đảm bảo kế hoạch sản xuất của năm 2025.



Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất nước và quy trình vận hành của nhà máy nước Hóa An; Tăng cường công tác quản lý và các biện pháp kỹ thuật trong hoạt động sản xuất nước. Xây dựng phương án dự phòng cho hoạt động cấp nước an toàn.



Hoàn thiện và không ngừng nâng cao trình độ: quản lý hệ thống phân phối cấp nước, hiện trạng cấp nước, quản lý nhà máy nước, chất lượng nước, quản lý ghi thu, quản lý khách hàng, quản lý vật tư thiết bị, quản lý nguồn nhân lực.



Thực hiện đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ sản xuất,...theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt, sử dụng nguồn từ quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn kinh doanh của Công ty; cân đối các nguồn lực tài chính để trả nợ vay và tái đầu tư sản xuất.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu phát triển bền vững



Công ty luôn xác định bảo vệ môi trường là một mục tiêu quan trọng, song song với các mục tiêu phát triển kinh doanh. Công ty nỗ lực thực hiện trách nhiệm này để hướng đến sự phát triển bền vững và tiến bộ hơn.



Để đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty chú trọng triển khai các giải pháp sau: Giảm thiểu việc sử dụng hóa chất trong quy trình xử lý nước; tích cực tham gia cùng cộng đồng trong các hoạt động bảo vệ nguồn nước và môi trường; tăng cường đầu tư vào các công nghệ xử lý nước hiện đại và thân thiện với môi trường; nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ và nhân viên công ty.



Công ty tin tưởng rằng, với sự đồng lòng và nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên cùng sự ủng hộ của cộng đồng, chúng ta sẽ xây dựng được nền tảng vững chắc cho mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.



CÁC RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu và trong nước chịu tác động đáng kể từ xung đột địa chính trị giữa các nền kinh tế lớn và các vấn đề biến đổi khí hậu, bất ổn khu vực. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, xung đột Nga - Ukraine kéo dài và tình hình phức tạp tại Trung Đông đã tác động đến chuỗi cung ứng, giá năng lượng và chi phí logistics.

Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng vẫn duy trì tích cực. Đến tháng 12/2024, hầu hết các tổ chức quốc tế giữ nguyên hoặc điều chỉnh tăng nhẹ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu, dao động từ 2,7% - 3,2%, tương đương mức tăng trưởng năm 2023. GDP của Việt Nam tăng 7,09%, trong khi GRDP của Đồng Nai đạt gần 260,3 nghìn tỷ đồng, tăng 8,02%, với tất cả 5 chỉ tiêu kinh tế chính vượt mục tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh. Đặc biệt, thu ngân sách nhà nước ghi nhận mức cao nhất trong 5 năm qua, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế địa phương. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 57 công trình đang hoạt động với tổng công suất trên gần 67,6 ngàn m³/ngày đêm, hiệu suất khai thác đạt 46,1%. Đến tháng 11-2024, tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch theo chuẩn đạt 92%, tỷ lệ dân số ở nông thôn sử dụng nước sạch đạt chuẩn 87,5%.

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước và xây lắp, Công ty luôn chủ động nguồn cung trước nhu cầu có thể thay đổi, liên tục cải thiện phải thu tồn đọng và chi phí tài chính. Đồng thời, liên tục quan sát, cập nhật để chủ động có những giải pháp thích hợp duy trì ổn định hoạt động kinh doanh.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp hoạt động theo loại hình công ty cổ phần, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), DVW cần đáp ứng các điều kiện đăng ký giao dịch và chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Ngoài các quy định chung đối với doanh nghiệp, công ty còn phải tuân thủ các quy định đặc thù trong ngành như Luật Tài nguyên Nước, Luật Bảo vệ Môi trường và các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về chất lượng nguồn nước.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều biến động trong những năm vừa qua, Chính phủ đã chủ động và kịp thời ban hành, cập nhật, bổ sung và sửa đổi các văn bản pháp luật nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách, đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn phát triển. Đặc biệt, các quy định về quản trị doanh nghiệp, hướng đến mục tiêu minh bạch hóa thông tin, ngày càng được điều chỉnh một cách chi tiết và chặt chẽ.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều biến động trong những năm vừa qua, Chính phủ đã chủ động và kịp thời ban hành, cập nhật, bổ sung và sửa đổi các văn bản pháp luật nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách, đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn phát triển. Đặc biệt, các quy định về quản trị doanh nghiệp, hướng đến mục tiêu minh bạch hóa thông tin, ngày càng được điều chỉnh một cách chi tiết và chặt chẽ.



RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC SẠCH

Trong ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả hoạt động và lợi nhuận doanh nghiệp. Tình trạng rò rỉ nguồn nước diễn ra dưới nhiều hình thức, từ những biểu hiện dễ nhận biết như rò rỉ trên các tuyến ống lộ thiên, nước tràn bề mặt, đến những dạng tiềm ẩn, khó phát hiện như rò rỉ ngầm, nước thấm vào hệ thống thoát nước, hoặc tại các vị trí đường ống phức tạp như băng qua cầu, suối, gây ra không ít thách thức trong công tác quản lý và kiểm soát.

Các yếu tố khách quan cũng góp phần gây gia tăng tỷ lệ thất thoát nước, điển hình là quá trình triển khai các dự án sửa chữa, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị, làm gia tăng nguy cơ sự cố vỡ đường ống cấp nước. Thêm vào đó, sự không chính xác của các đồng hồ tại trạm cấp nước tiếp nhận có thể dẫn đến tình trạng rò rỉ nước trước khi đến được các hộ tiêu thụ. Ngoài ra, việc thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao

và kỹ năng dò tìm điểm rò rỉ chính xác cũng là một khó khăn, khiến cho tỷ lệ thất thoát nước chưa được giảm thiểu theo kỳ vọng của nhiều doanh nghiệp trong ngành.

Hiện nay, Công ty đang duy trì tỷ lệ thất thoát nước bình quân là 13,21%, giảm 1,96% cùng kỳ. Kết quả này đến từ sự chú trọng của DVW trong việc thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, thay thế các đoạn ống xuống cấp; giám sát thi công để đảm bảo tính chính xác của hồ sơ thiết kế; đồng thời, lắp đặt các biến tần và thiết bị kiểm soát áp lực đường ống để dễ dò tìm.



RỦI RO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NƯỚC KHAI THÁC

Nguồn cung nước sạch tại các khu vực có nhu cầu cao đang đối mặt với thách thức nghiêm trọng do tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt bởi tình trạng thời tiết thất thường, hạn hán kéo dài và xâm nhập mặn. Sự xuất hiện của hiện tượng El Niño vào nửa cuối năm 2023, kéo dài đến năm 2024, đã gây nắng nóng kỷ lục, làm gia tăng nhiệt độ toàn cầu, gây suy giảm lượng mưa và nguồn nước bổ sung tự nhiên khiến hồ chứa và sông ngòi không đủ trữ lượng để cung cấp nước ổn định. Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Nai là địa bàn có tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa rất nhanh. Do đó, đối mặt với rủi ro khai thác quá mức dẫn đến cạn kiệt nguồn nước đầu vào và gây suy giảm chất lượng nước do ô nhiễm công nghiệp và sinh hoạt.

Với tốc độ công nghiệp hóa nhanh, lượng nước thải từ các nhà máy, khu công nghiệp nếu không được xử lý đúng quy chuẩn sẽ chứa kim loại nặng, hóa chất độc hại, dầu mỡ và vi sinh vật gây ô nhiễm nguồn nước mặt lẫn nước ngầm. Ngoài ra, việc khai thác nước ngầm quá mức để phục vụ sinh hoạt và sản xuất đang khiến mực nước suy giảm nhanh chóng, dẫn đến nguy cơ sụt lún đất, nhiễm phèn, nhiễm mặn và ảnh hưởng đến khả năng tái tạo của nguồn nước. Tình trạng này gây mất cân bằng tiêu chuẩn yêu cầu nguồn nước, khó đáp ứng được tiêu chuẩn của Bộ Y tế, theo QCVN 02:2009/BYT và Thông tư số 41/2018/TT-BYT, Thông tư số 26/2021/TT-BYT. Rủi ro này không chỉ ảnh hưởng sức khỏe người dân mà còn gia tăng nguồn lực để xử lý, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận công ty.

Với mục tiêu cung cấp nguồn nước đạt chuẩn đến người sử dụng, Công ty tiến hành báo cáo quan trắc chất lượng nước theo định kỳ, đồng thời thông tin này được công bố rộng rãi trên trang web của Công ty, tạo điều kiện để người tiêu dùng tham khảo và tin tưởng vào dịch vụ cấp nước sạch.

CÁC RỦI RO

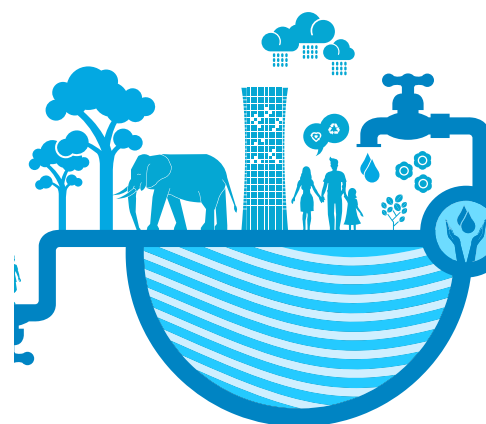
CÁC RỦI RO

RỦI RO GIÁ NƯỚC ĐẦU RA

Cung cấp nước sạch là dịch vụ công ích thiết yếu, chịu sự quản lý chặt chẽ theo quy định của Nhà nước. Tại Đồng Nai, giá nước sạch áp dụng tuân thủ theo Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND về việc ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, trong bối cảnh chi phí sản xuất gia tăng do lạm phát, biến đổi khí hậu và áp lực bảo vệ tài nguyên nước, việc điều chỉnh giá cần đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Để giảm thiểu mức độ ảnh hưởng rủi ro giá đầu ra, DVW chú trọng nâng cao hiệu quả sản xuất bằng cách kiểm soát nghiêm ngặt

tỷ lệ thất thoát nước trung bình và bảo vệ nguồn nguyên liệu đầu vào. Mục tiêu của DVW là cung cấp nguồn nước sạch ổn định, đạt chuẩn chất lượng quốc gia với mức giá phù hợp, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro đã được xác định, Công ty đặc biệt chú trọng đến các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, cháy nổ, hỏa hoạn hoặc dịch bệnh và tiến hành đánh giá thường xuyên. Những sự kiện không lường trước này có tiềm năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nhân lực, tài sản và toàn bộ quá trình vận hành của Công ty.

Nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực từ các rủi ro nằm ngoài khả năng kiểm soát, DVW thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn. Công ty duy trì việc kiểm tra định kỳ các thiết bị và hệ thống liên quan để đảm bảo khả năng hoạt động hiệu quả trong các tình huống khẩn cấp. Đồng thời, Công ty tăng cường phối hợp và nâng cao nhận thức thông qua các hoạt động huấn luyện, diễn tập, nhằm trang bị đầy đủ kỹ năng cần thiết để ứng phó kịp thời và toàn diện với các sự cố bất ngờ có thể xảy ra.

Ngoài ra, để bảo vệ quyền lợi của người lao động và sự an toàn của tài sản, Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm cho toàn bộ nhân viên và tài sản. Chính sách bảo hiểm này đảm bảo nguồn lực tài chính cần thiết để giải quyết và giảm thiểu những tổn thất không mong muốn khi có sự cố xảy ra. Điều này không chỉ củng cố năng lực ứng phó với các tình huống bất ngờ mà còn duy trì sự ổn định và phát triển bền vững cho hoạt động kinh doanh của Công ty. kinh doanh của Công ty ổn định và bền vững.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Với sự đồng lòng và nỗ lực không ngừng nghỉ của ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong năm 2024, tổng doanh thu của Công ty ghi nhận đạt 46.259,06 triệu đồng, giảm nhẹ 0,4% cùng kỳ và đạt 97,6% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến mức giảm của Tổng doanh thu đến từ doanh thu lắp đặt, do Công ty chủ yếu thực hiện lắp đặt hệ thống nước khách hàng tại 04 phường xã mà Công ty cung cấp nước và số lượng BCT lắp đặt năm 2024 giảm so với năm 2023 (năm 2024 là 731 BCT, năm 2023: 992 BCT). Ngoài ra, Công ty hoàn thành tốt và vượt kế hoạch các chỉ tiêu doanh thu còn lại, đặc biệt là doanh thu sản xuất nước nhờ vào việc khai thác hiệu quả và gia tăng công suất nước sản xuất tại nhà máy nước Hóa An.

Trong năm 2024, tỷ lệ giá vốn trên doanh thu năm 2024 là 52,9% giảm 1,46% so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân chủ yếu chi phí lắp đặt hệ thống nước giảm (năm 2024 bằng 21,2% so với năm 2023). Chi phí bán hàng tăng 13,76% so với cùng kỳ chủ yếu do chi phí nguyên vật liệu, bao bì tăng do số lượng đồng hồ lắp đặt mới tại 04 phường Công ty quản lý tăng so với cùng kỳ 2024. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 7,25% so với cùng kỳ chủ yếu do trong năm Công ty hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi 540.457.611 đồng, đối với khoản chi phí này thì khoản mục chi phí nhân công chiếm 78,69% chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.

Công ty thực hiện Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015, thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động cung cấp nước sạch, các hoạt động còn lại áp dụng với mức thuế suất 20%.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty bằng 105,92% so với cùng kỳ năm 2023; so với kế hoạch đạt 127,26%. Lợi nhuận sau thuế bằng 106,84% so với cùng kỳ và bằng 126,92% so với kế hoạch năm.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	% TH 2024/ KH 2024	% TH 2024/ TH 2023
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	46.446,92	47.395,00	46.259,06	97,60%	99,60%
	- Doanh thu SX nước	Tr.đồng	41.059,91	41.440,73	43.096,17	103,99%	104,96%
	- Doanh thu lắp đặt	Tr.đồng	3.243,53	5.000,00	1.335,96	26,72%	41,19%
	- Doanh thu HĐTC	Tr.đồng	1.631,94	600	1350,58	225,10%	82,76%
	Thu nhập khác	Tr.đồng	583,09	354,27	476,35	134,46%	81,69%
2	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	24.084,19	26.782,00	23.504,68	87,76%	97,59%
3	Chi phí lãi vay	Tr.đồng	340,47	350,00	209,82	59,95%	61,63%
4	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	3.330,84	3.557,16	3.789,18	106,52%	113,76%
5	Chi phí quản lý DN	Tr.đồng	7.747,31	7.450,00	7.185,68	96,45%	92,75%
6	Chi phí khác	Tr.đồng	261,78	364,4	254,84	69,93%	97,35%
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	10.682,34	8.891,44	11.314,86	127,26%	105,92%
8	Thuế TNDN	Tr.đồng	1.334,05	1.022,44	1.327,30	129,82%	99,49%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	9.348,28	7.869,00	9.987,56	126,92%	106,84%
10	Tỷ lệ thất thoát	%	15,17	14,50	13,21	-1,29	-1,96

DANH SÁCH HĐQT

(Tính đến 31/12/2024)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP (*)		Tỷ lệ sở hữu (%)
			Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	0	515.900	22,00%
2	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	139.664	0	5,96%
3	Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên HĐQT không điều hành	100.450	0	4,28%
4	Phạm Ngọc Tú	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	31.124	0	1,33%
5	Lê Thành Trung	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	0%

LÝ LỊCH HĐQT

» Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 05/05/1967
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Cử nhân ngành Tài chính Kế toán, Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư ngành cấp thoát nước, Cử nhân Luật

Quá trình công tác

10/1986 – 08/1988	Công ty xây dựng Lọc hóa Dầu Long Thành – Đồng Nai
09/1988 – 04/1989	Công ty Dừa Long Thành thuộc Liên hiệp Dầu thực vật Đồng Nai
05/1989 – 10/1989	Công ty Xây lắp 1 Đồng Nai
11/1989 – 03/1990	Công ty Khoan Cấp nước Đồng Nai
04/1990 – 11/1991	Xí nghiệp nước Biên Hòa – Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
12/1991 – 09/1997	Phòng Kinh doanh – Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
10/1997 – 04/2008	Xí nghiệp nước Nhơn Trạch – Công ty Xây dựng cấp nước Đồng Nai
04/2008 – 04/2012	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch – Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
04/2012 – 04/2018	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch – Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
04/2018 – 04/2020	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh – Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
04/2020 - Nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phiếu
- Đại diện sở hữu: 515.900 cổ phiếu (chiếm 22% vốn điều lệ).

» Ông TRẦN CHIẾN THẮNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Ngày sinh: 19/05/1975.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành cấp thoát nước.

Quá trình công tác

01/2002 – 02/2008	Xí nghiệp Thiết kế Xây Dựng Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
03/2008 - Nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 139.664 Cổ phiếu, chiếm 5,96% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

» Ông ĐẶNG NGUYỄN THANH AN

Thành viên HĐQT không điều hành

- Ngày sinh: 22/06/1996
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng.

Quá trình công tác

09/2018 – 05/2019	Công ty TNHH Trúc Minh
07/2019 - Nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 100.450 Cổ phiếu, chiếm 4,28% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

» Ông PHẠM NGỌC TÚ

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

- Ngày sinh: 17/10/1984
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.

Quá trình công tác

08/2006 – 08/2007	Công ty TNHH ViRan
09/2007 – 08/2009	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước (WASECO)
09/2009 – Nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 31.124 cổ phiếu Cổ phiếu, chiếm 1,33% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

» Ông LÊ THÀNH TRUNG

Thành viên Hội đồng quản trị
không điều hành

- Ngày sinh: 27/05/1981
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước

Quá trình công tác

2003 - 2009	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
12/2009 - 01/2010	Ban Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai
02/2010 - 07/2014	Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an Đồng Nai
08/2014 - 01/2021	Phòng cảnh sát giao thông đường sắt đường bộ Công an Đồng Nai
02/2021 - Nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phiếu
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

(Tính đến 31/12/2024)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP (*)		Tỷ lệ sở hữu (%)
			Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	
1	Trịnh Hùng Sơn	Giám đốc	0	0	0%
2	Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc	139.664	0	5,96%
3	Phạm Ngọc Tú	Phó Giám đốc	31.124	0	1,33%
4	Lê Chí Nguyên Thắng	Kế toán trưởng	23.336	0	1,00%

» Ông TRẦN CHIẾN THẮNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Xem tại lý lịch Hội đồng quản trị

» Ông PHẠM NGỌC TÚ

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Xem tại lý lịch Hội đồng quản trị

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

» Ông TRỊNH HÙNG SƠN

Giám đốc

- Ngày sinh: 13/10/1975
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Xây dựng dân dụng và Công nghiệp

Quá trình công tác

9/1997 - 10/1999	Công ty Tanimex Thái Bình tại Sài Gòn
10/1999 - 7/2003	Công ty TNHH Thương mại Mạnh Huệ tại Ngọc Hà- Ba Đình- Hà Nội.
07/2003 - 07/2007	Công ty XD Sông Đà 11
07/2007 - 08/2010	Chi nhánh Sông Đà 11.9
08/2010 - 05/2012	Chi nhánh Công ty Sông Đà 11.7 tại Lương Sơn, Hòa Bình.
05/2012 - 12/2013	Công ty CP đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11
01/2014 - 03/2023	Chi nhánh cấp nước Vĩnh An – Cty CP cấp nước Đồng Nai
04/2023 - Nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phiếu
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

» Ông LÊ CHÍ NGUYỄN THẮNG

Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 16/05/1974
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Cử nhân Kế toán, Kiểm toán

Quá trình công tác

01/1999 – 10/2004	Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
11/2004 – 02/2008	Xí nghiệp Thiết kế Xây Dựng Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
03/2008 – nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 23.336 Cổ phiếu, chiếm 1,00% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

(Tính đến 31/12/2024)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP (*)		Tỷ lệ sở hữu (%)
			Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	
1	Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng BKS	0	328.300	14,00%
2	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên BKS	0	0	0%
3	Trần Thị Hiền	Thành viên BKS	0	0	0%

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

» Bà NGUYỄN THỊ MAI HẠNH

Trưởng BKS

- Ngày sinh: 13/11/1984
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

09/2007 - 04/2018	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
11/2016 - 03/2021	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân
05/2018 - 03/2023	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
03/2023 - Nay	Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phiếu
- Đại diện sở hữu: 328.300 cổ phiếu (chiếm 14,00% vốn điều lệ)

» Bà NGÔ THỊ ĐÀI TRANG

Thành viên BKS

- Ngày sinh: 20/09/1975
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác

07/2000 - 01/2008 Công ty TNHH Thương mại N.T.P

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phiếu
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

» Bà TRẦN THỊ HIỀN

Thành viên BKS

- Ngày sinh: 15/04/1985
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán

Quá trình công tác

2008 - 2013	Công ty TNHH XD và TM Giang Nam
03/2013 - 08/2013	CT CP Cấp nước Nhơn Trạch
08/2013 - 10/2013	Chi nhánh CN Long Bình thuộc Cty CP Cấp nước Đồng Nai
10/2013 - Nay	Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phiếu
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HĐQT NĂM 2024

Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BKS NĂM 2024

Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BĐH NĂM 2024

Không có



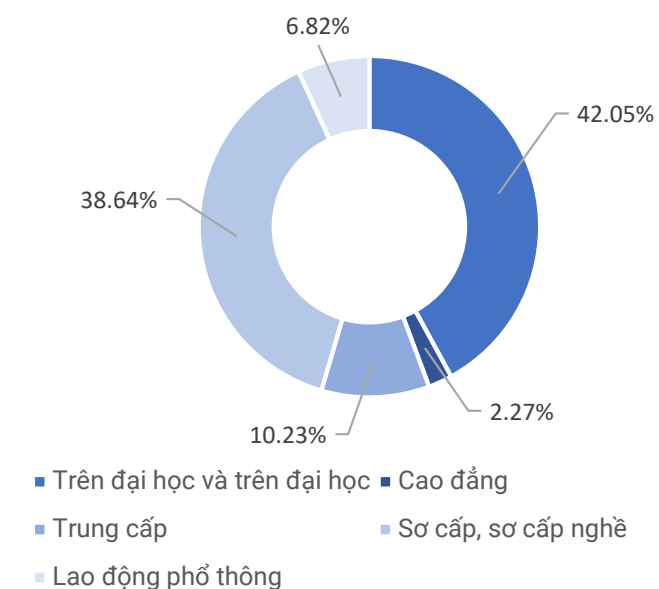
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	88	100,00
1	Trên đại học và trên đại học	37	42,05%
2	Cao đẳng	2	2,27%
3	Trung cấp	9	10,23%
4	Sơ cấp, sơ cấp nghề	34	38,64%
5	Lao động phổ thông	6	6,82%
II	Theo giới tính	88	100,00
1	Nam	65	73,86%
2	Nữ	23	26,14%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	88	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	5	5,68%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	83	94,32%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,00%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

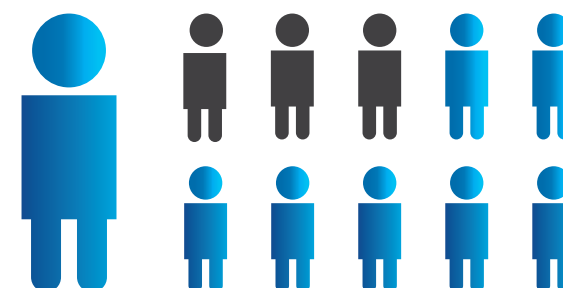
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	105	96	93	88
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.100.000	13.100.000	13.300.000	13.500.000

PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ

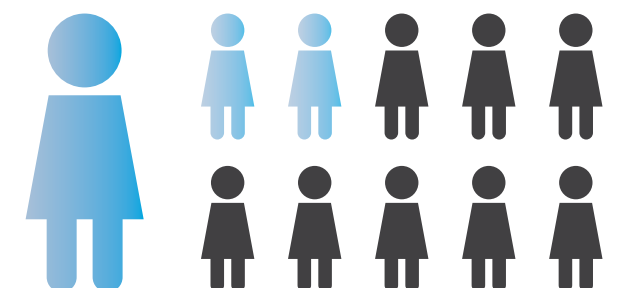


PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH

Nam: 73,86%



Nữ: 26,14%





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

» Về tuyển dụng:

DVW cam kết xây dựng đội ngũ nhân sự tận tâm, chuyên nghiệp và có tinh thần trách nhiệm cao. Công tác tuyển dụng được triển khai bài bản, hệ thống và minh bạch, với các tiêu chí rõ ràng cho từng vị trí, đảm bảo lựa chọn nhân sự phù hợp nhất với định hướng phát triển của công ty.

Bên cạnh chính sách tuyển dụng chặt chẽ, DVW cung cấp mức lương cạnh tranh, chế độ phúc lợi hấp dẫn và lộ trình thăng tiến rõ ràng, tạo động lực thu hút và giữ chân nhân tài. Tính đến năm 2024, công ty có 88 nhân sự, là những cá nhân nhiệt huyết, đồng hành cùng DVW trong hành trình phát triển. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện chính sách nhân sự, đẩy mạnh đào tạo và phát triển nguồn lực, đảm bảo đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của ngành cấp nước.



» Về đào tạo:

DVW xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định sự phát triển bền vững và hiệu quả hoạt động. Công ty chú trọng đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ, xem việc phát triển nhân sự là đầu tư chiến lược. Từ đó, tối ưu hóa vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo khả năng thích ứng với nhu cầu phát triển trong tương lai.

Trong năm 2024, DVW tiếp tục triển khai chương trình đào tạo chuyên sâu, không chỉ nâng cao hiệu suất làm việc mà còn thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đội ngũ nhân sự. Công ty đặc biệt chú trọng bồi dưỡng nhân sự trẻ tiềm năng, nâng cao trình độ quản lý cho các cán bộ quản lý và xây dựng đội ngũ kế thừa thông qua các chương trình mentoring, luân chuyển công việc và trải nghiệm thực tế tại các đơn vị đầu ngành như Dowaco và Tổng Công ty Sonadezi.

Song song với đào tạo chuyên môn, DVW thực hiện đánh giá năng lực định kỳ, đảm bảo nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc và phát triển bền vững. Việc cập nhật xu hướng ngành, trao đổi kinh nghiệm với các doanh nghiệp tiên phong giúp công ty xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, sẵn sàng thích ứng với sự đổi mới và phát triển của thị trường.

» Chế độ việc làm

DVW cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Lao động và Luật Bảo hiểm Xã hội, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Công ty thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc về hợp đồng lao động, đóng BHXH, BHYT đầy đủ 100% và áp dụng đầy đủ chế độ dành cho lao động nữ, bao gồm thai sản và nghỉ khám thai.

Bên cạnh đó, DVW luôn chú trọng vào công tác bảo hộ lao động, cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ cá nhân, đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Đối với các công việc sử dụng máy móc, công ty trang bị thiết bị đầy đủ, hiện đại, tối ưu hóa hiệu quả lao động. Ngoài ra, công ty cũng duy trì môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.



» Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Căn cứ vào Nghị định 38/2022/NĐ-CP được ban hành ngày 01/07/2022, Công ty tuân thủ chi trả theo đúng quy định Nhà nước lên kế hoạch cho người lao động, đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong công tác xây dựng chính sách lương. Theo thống kê, thu nhập bình quân của một người lao động năm 2024 là 13,5 triệu đồng/tháng.

Bên cạnh công việc chuyên môn, DVW chú trọng nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, công nhân viên (CBCNV) thông qua chính sách khen thưởng và tri ân. Hàng năm, công ty thực hiện đánh giá năng lực và hiệu quả công việc, ghi nhận và tôn vinh các cá nhân, tập thể xuất sắc bằng nhiều hình thức như tiền thưởng, quà tặng, giấy khen, bằng khen, nhằm khuyến khích tinh thần cống hiến.

Ngoài ra, DVW tổ chức các hoạt động tri ân CBCNV vào các dịp lễ, tết, bao gồm tặng quà, chương trình vui chơi giải trí và du lịch, tạo điều kiện để nhân viên gắn kết và tái tạo năng lượng. Những hoạt động này không chỉ nâng cao sự gắn bó của tập thể mà còn góp phần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và hiệu quả, giúp CBCNV phát huy tối đa năng lực và cống hiến lâu dài.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình tăng mới giá trị 1.049.225.600 đồng, trong đó: hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản: 938.759.750 đồng; mua mới: 110.465.850 đồng (van cổng động cơ điện DN200 và máy châm clor).

Tài sản cố định vô hình tăng mới: không có.

Chi phí khấu hao TSCĐ trong năm 2024 là: 3.569.302.679 đồng (trong đó: khấu hao TSCĐ hữu hình: 3.538.362.683 đồng, khấu hao TSCĐ vô hình: 30.939.996 đồng) chiếm tỉ lệ 10,29% chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 là 624.702.755 đồng, bao gồm các công trình cơ bản như sau:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Chi chú
1	Lắp đặt TOCN HDPE OD315 từ ống DN300 Pouchen vào đến bể trộn nhà máy nước Hóa An tại phường Hóa An, Biên Hòa	258.536.538	Đã thực hiện xong, giá trị tăng tài sản: 258.536.538 đồng
2	TOCN HDPE D315 ngầm đường Huỳnh Mẫn Đạt tại nhà máy nước Hóa An	104.783.000	Đã thực hiện xong, giá trị tăng tài sản: 104.783.000 đồng
3	LĐ TOCN HDPE D110 phục vụ các hộ dân trong hẻm 34, tại Đ. Bùi Hữu Nghĩa	28.858.729	Đã thực hiện xong, giá trị tăng tài sản: 76.889.911 đồng
4	LĐ TOCN HDPE D110, D63 phục vụ các hộ dân trong hẻm 122, tại Đ. Bùi Hữu Nghĩa	20.396.823	Đã thực hiện xong, giá trị tăng tài sản: 57.704.125 đồng
5	LĐ TOCN HDPE D110 phục vụ các hộ dân trong hẻm quán cây Sake, tại hẻm Đ. Bùi Hữu Nghĩa	11.192.933	Đã thực hiện xong, giá trị tăng tài sản: 46.329.524 đồng
6	LĐ TOCN HDPE D110 phục vụ các hộ dân cuối hẻm 314, tại Đ. Bùi Hữu Nghĩa	18.924.532	Đã thực hiện xong, giá trị tăng tài sản: 50.398.709 đồng
7	Các công trình khác	182.010.200	Đang thực hiện
Tổng cộng		624.702.755	

- Đến ngày 31/12/2024, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là 233.010.200 đồng, chi tiết: nâng công suất nhà máy nước Hóa An: 212.200.000 đồng và các công trình lắp đặt khác: 20.810.200 đồng.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

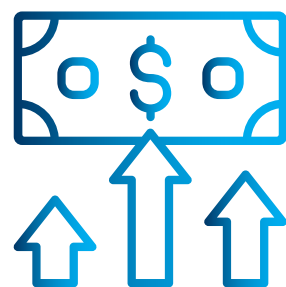
ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	64.955	66.934	103,05%
2	Doanh thu thuần	44.303	44.432	100,29%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.361	11.093	107,07%
3	Lợi nhuận khác	321	222	68,94%
4	Lợi nhuận trước thuế	10.682	11.315	105,92%
5	Lợi nhuận sau thuế	9.348	9.988	106,84%

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

9.988

Triệu đồng

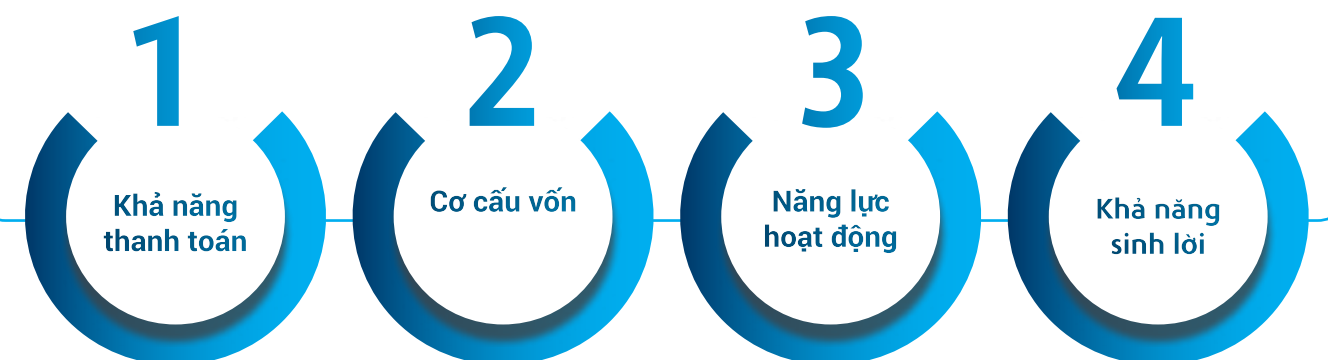


+6,84%

so với TH 2023

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	3,44	3,76
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	3,39	3,73
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	21,24%	18,20%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	26,97%	22,24%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	38,78	44,98
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,67	0,67
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	21,10%	22,48%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,36%	18,86%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	14,11%	15,15%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	23,39%	24,97%



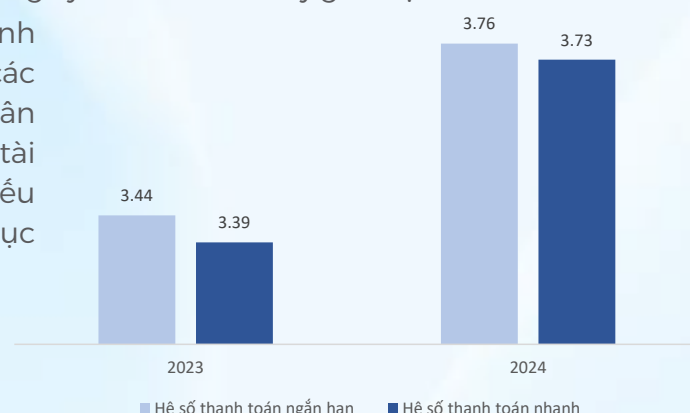


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

»» Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

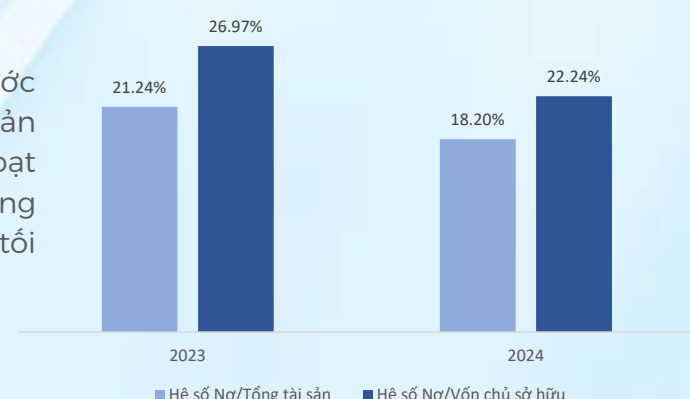
Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của DVW tại thời điểm cuối năm đều ghi nhận tích cực so với năm trước, đảm bảo khả năng thanh toán, tính thanh khoản cao. Cụ thể, chỉ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tăng từ 3,44 lên 3,76, khả năng thanh toán nhanh tăng từ 3,39 lên 3,73 so với cùng kỳ. Các chỉ tiêu này gần đạt mức an toàn (≥ 1), cho thấy Công ty có tình hình tài chính lành mạnh và đủ khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Nguyên nhân chính là do năm 2024, DVW ghi nhận tài sản ngắn hạn tăng 12% cùng kỳ, chủ yếu đến từ mức tăng mạnh của khoản mục tiền



»» Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Trong năm 2024, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của công ty có sự biến động tích cực, phản ánh sự cải thiện rõ rệt trong hiệu quả quản lý hàng tồn kho. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 38,78 lần lên 44,98 lần cho thấy công ty đã tối ưu hóa hiệu quả trong sản xuất và cung cấp nước. Việc nâng cao công suất ở nhà máy nước Hóa An đã có những cải tiến tích cực trong quy trình sản xuất. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản không đổi, duy trì ở mức 0,67.

Nhìn chung, công ty đã có những bước tiến vững chắc trong việc tối ưu hóa quản lý hàng tồn kho và nâng cao hiệu quả hoạt động. Đồng thời, công ty sẽ nỗ lực trong việc cải thiện hiệu quả sử dụng tài sản, tối ưu hóa nguồn lực.

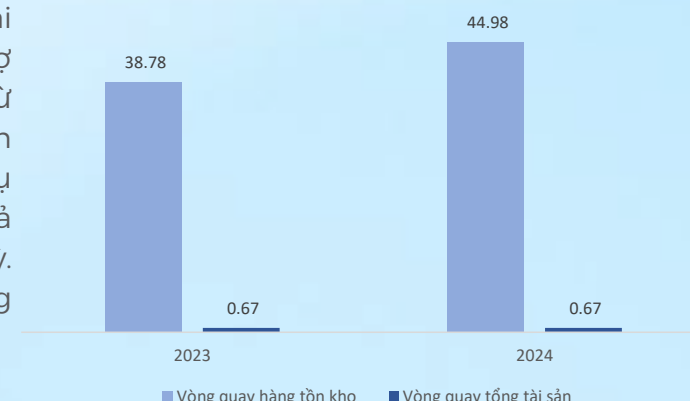


Tổng kết

Nhìn chung, năm 2024 Công ty không có rủi ro về tài chính, khả năng thanh toán an toàn, hiệu quả kinh doanh năm 2024 tăng trưởng tương đối ổn.

»» Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

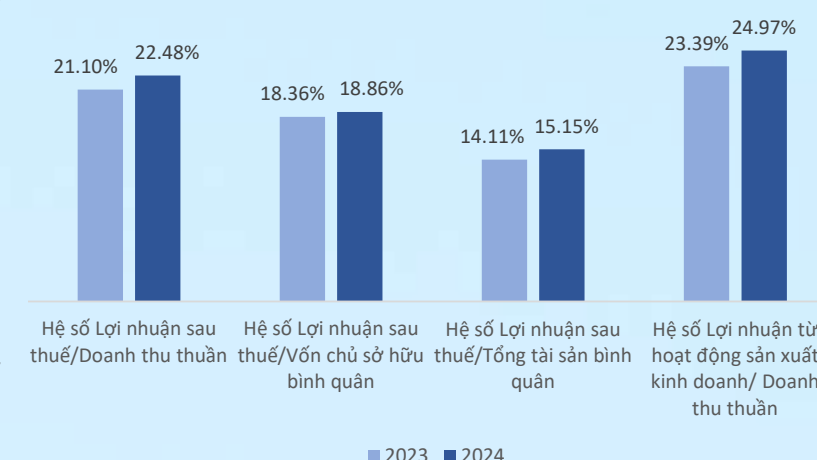
Trong năm 2024, các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty ghi nhận sự chuyển biến đáng kể cụ thể là tỷ lệ Tổng nợ/Tổng tài sản và Tổng nợ/ Vốn chủ sở hữu, lần lượt giảm 3,04% và 4,73% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm Công ty đã tắt toán khoản nợ vay của Quỹ đầu tư phát triển với giá trị 2.031 triệu đồng, do đó khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 92,31% cùng kỳ. Mặt khác, nợ ngắn hạn cũng có xu hướng giảm đến từ việc Công ty đã hoàn tất việc thanh toán cho các đơn vị cung cấp nước và dịch vụ môi trường, khiến khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn giảm 88,66% cùng kỳ. Điều này cho thấy tình hình tài chính Công ty bền vững và đang được cải thiện tốt.



»» Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2024, hoạt động kinh doanh của DVW ghi nhận những kết quả tích cực, thể hiện qua sự cải thiện đáng kể của tất cả các chỉ số về khả năng sinh lời so với năm 2023. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS) tăng từ 21,10% lên 22,48%, nguyên nhân chủ yếu đến từ sự gia tăng lợi nhuận sau thuế và quản lý chi phí hiệu quả. Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) tăng nhẹ từ 18,36% lên 18,86%, phản ánh khả năng sinh lời ổn định từ vốn đầu tư của cổ đông.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân cũng tăng từ 14,11% lên 15,15%, chứng tỏ công ty đã cải thiện hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra lợi nhuận. Ngoài ra, hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/doanh thu thuần tăng từ 23,39% lên 24,97%, cho thấy công ty đã làm tốt trong việc kiểm soát chi phí và tối ưu hóa quy trình sản xuất.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



Số lượng Cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 2.345.000

Số lượng cổ phiếu và loại cổ phần đang lưu hành: 2.345.000

Số lượng Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 20/05/2024

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0%
II	Cổ đông trong nước	100	2.345.000	23.450.000.000	100,00%
-	Cá nhân	97	1.361.740	13.617.400.000	58,07%
-	Tổ chức	3	983.260	9.832.600.000	41,93%
2	Nước ngoài	-	-	-	-
III	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
1	Cá nhân	0	0	0	0%
2	Tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng (I+II+III)		100	2.345.000	23.450.000.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 9,5%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 20/05/2024

STT	Tên cá nhân/Tổ chức/ Người đại diện	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	844.200	8.442.000.000	36%
2	Đặng Công Thanh	196.000	1.960.000.000	8,36%
3	Đặng Nguyễn Thanh Liêm	140.147	1.401.470.000	5,98%
4	Trần Chiến Thắng	139.664	1.396.640.000	5,96%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Từ khi thành lập đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước và xây lắp, trong đó quy trình xử lý nước thô và thi công hạ tầng có thể tác động đến môi trường. Nhận thức rõ trách nhiệm này, công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về khai thác tài nguyên nước, xử lý và xả thải, đảm bảo hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và môi trường sống của cộng đồng.

Trong lĩnh vực xây lắp, DVW đẩy nhanh tiến độ thi công hạ tầng thoát nước, góp phần cải thiện lưu thông nước thải từ hộ gia đình và khu công nghiệp, giảm thiểu tình trạng ứ đọng và quá tải hệ thống. Những nỗ lực này không chỉ nâng cao hiệu quả vận hành, mà còn giúp hạn chế ô nhiễm, bảo vệ nguồn nước và đảm bảo phát triển bền vững tại địa phương.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (DVW) là đơn vị cung cấp nước sạch tại tỉnh Đồng Nai, khai thác nguồn nước thô từ sông Đồng Nai để phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất. Nhận thức rõ trách nhiệm trong việc đảm bảo chất lượng nước và bảo vệ môi trường, DVW triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tối ưu hóa quy trình khai thác và xử lý nước.

Công ty thực hiện kiểm soát chất lượng nước nghiêm ngặt theo quy định của Bộ Y tế và các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo nước sạch đạt tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng. Đồng thời, DVW áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác và xử lý nước, tối ưu hóa hiệu suất vận hành và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước. Nhằm bảo vệ môi trường và tiết kiệm nguồn nước, công ty đẩy mạnh việc tái chế và tái sử dụng nước thải sau xử lý, đồng thời tuân thủ quy trình bảo quản hóa chất xử lý nước an toàn, đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

DVW cũng tập trung vào việc nâng cao hiệu quả quản lý và vận hành, thực hiện phân vùng cấp nước hợp lý để tối ưu hóa mạng lưới và giảm thất thoát nước trong hệ thống, từ đó góp phần tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí sản xuất. Trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng cấp thoát nước, công ty kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên vật liệu, nhân công và tiến độ thi công, đảm bảo hoàn thành công trình đúng kế hoạch. Việc đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án giúp cải thiện dòng chảy nước thải từ hộ gia đình và khu công nghiệp, hạn chế tình trạng tồn đọng, quá tải và giảm thiểu tác động đến môi trường sống.

Thông qua các giải pháp đồng bộ, DVW không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định và cam kết phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cộng đồng và doanh nghiệp.





Tiêu thụ nước

Ý thức được tầm quan trọng và hữu hạn của nguồn nước, DVW luôn chú trọng thực hiện các biện pháp tiết kiệm nước trong mọi hoạt động, nhằm giảm thiểu lãng phí và tối ưu hóa chi phí vận hành.

Công ty thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống đường ống và trang thiết bị cấp nước, kịp thời phát hiện và khắc phục rò rỉ, đảm bảo hiệu suất vận hành và hạn chế thất thoát nước. Bên cạnh đó, DVW áp dụng các thiết bị tiết kiệm nước như vòi rửa có cơ chế ngắt tự động, giúp giảm đáng kể lượng nước tiêu thụ.

Ngoài các giải pháp kỹ thuật, DVW đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao nhận thức thông qua các buổi tập huấn nội bộ, khuyến khích nhân viên sử dụng nước hợp lý, góp phần bảo vệ tài nguyên và hướng tới phát triển bền vững.

Tiêu thụ năng lượng

Để đảm bảo vận hành của hệ thống xử lý nước, trạm bơm và hoạt động văn phòng yêu cầu DVW phải tiêu thụ lượng điện năng lớn. Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu tác động môi trường, công ty đã triển khai các giải pháp tiết kiệm điện đồng bộ.

Về mặt kỹ thuật, DVW sử dụng máy bơm có công suất phù hợp, thay thế thiết bị cũ tiêu tốn nhiều điện năng, đồng thời trang bị các thiết bị tiết kiệm năng lượng như bóng đèn LED và hệ thống chiếu sáng tối ưu. Công ty cũng thực hiện bảo trì định kỳ hệ thống điện, máy móc và điều hòa, đảm bảo vận hành hiệu quả và giảm tiêu hao năng lượng không cần thiết.

Bên cạnh đó, DVW thúc đẩy văn hóa tiết kiệm năng lượng, nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên trong sử dụng điện hợp lý, tối ưu hóa quy trình vận hành. Những nỗ lực này không chỉ giúp giảm chi phí sản xuất mà còn góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công DVW luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước ngầm trong quá trình thi công. Với sứ mệnh cung cấp nước sạch ổn định, công ty đặt trọng tâm vào việc duy trì hệ thống cấp nước hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cư dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

Trong năm 2024, DVW không ghi nhận bất kỳ vi phạm hay xử phạt nào liên quan đến các quy định về môi trường, khẳng định cam kết hoạt động bền vững, tuân thủ pháp luật và bảo vệ tài nguyên nước

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO CHỈ DẪN CỦA UBCKNN

Trong những năm gần đây, việc phát triển thị trường vốn xanh đã được triển khai mạnh mẽ bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Đây là một cách thức để khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động ESG (Tác động về Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp) và thúc đẩy việc kêu gọi các nhà đầu tư quan tâm đến việc đầu tư vào các dự án phát triển xanh.

DVW luôn quan tâm và theo dõi thường xuyên các hoạt động, chính sách mới của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng như Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Từ đó, Công ty điều chỉnh và cập nhật các chính sách nội bộ nhằm phù hợp với các quy định đề ra, định hướng xây dựng kế hoạch tài chính hướng đến phát triển bền vững toàn diện.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn chú trọng vào việc thực hiện hóa các giá trị tạo ra lợi nhuận thông qua các hoạt động hướng đến cộng đồng, tích cực hỗ trợ địa phương và người dân có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời tham gia vào các chương trình phúc lợi xã hội do chính quyền địa phương tổ chức. Công ty luôn xác định trách nhiệm xã hội là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, công ty phối hợp chặt chẽ với Công đoàn để chăm sóc và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường làm việc gắn kết.

Trong năm 2024, công ty tham gia đầy đủ và tích cực vào các chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ, Tháng hành động vì trẻ em, Ngày Gia đình Việt Nam và các ngày kỷ niệm về Dân số. Những hoạt động này không chỉ mang tính thiết thực và ý nghĩa, mà còn thể hiện sự chủ động và trách nhiệm của công ty đối với cộng đồng và xã hội, khẳng định cam kết đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.



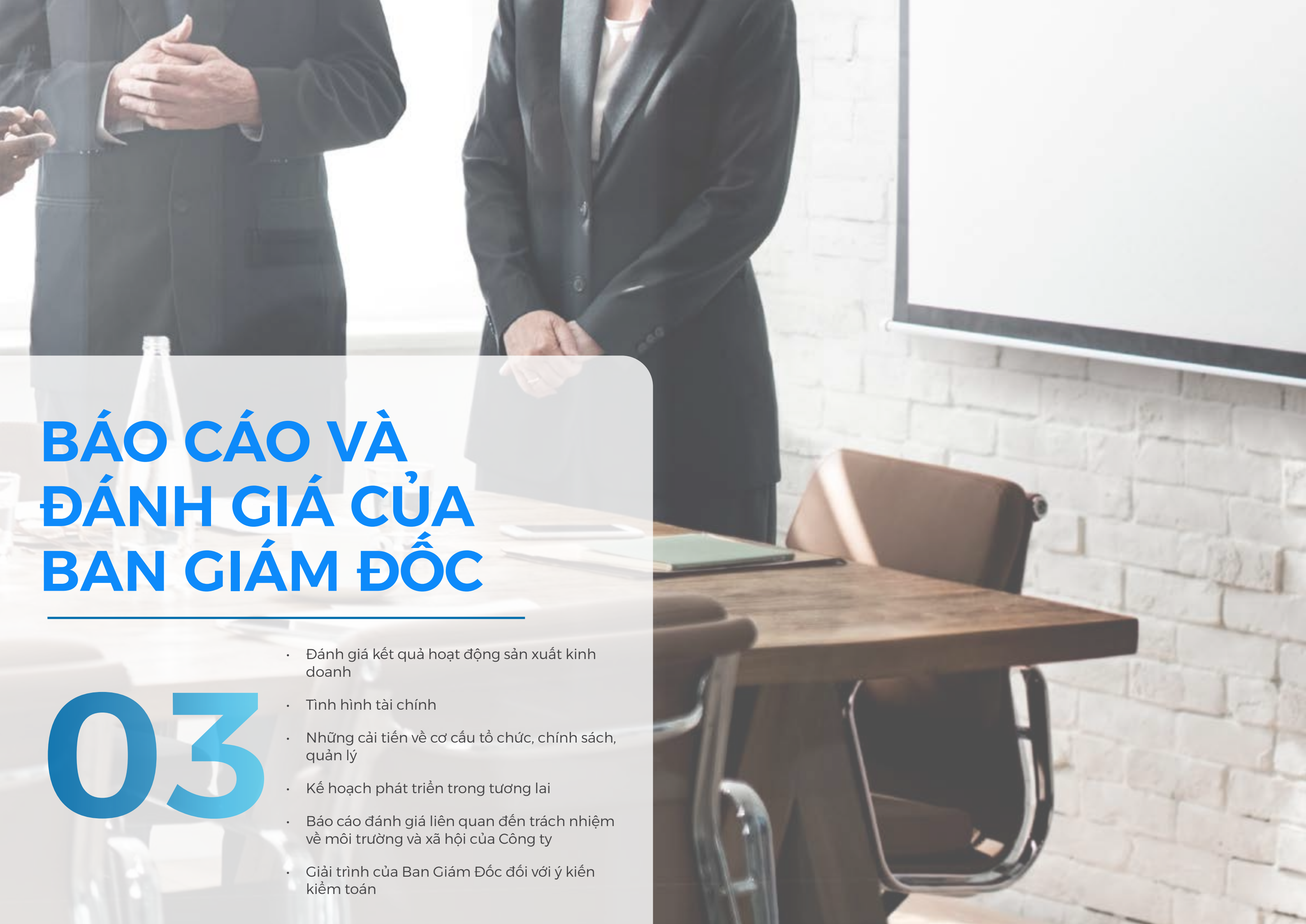
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

DVW coi nguồn nhân lực là tài sản quan trọng nhất, đóng vai trò cốt lõi trong sự phát triển bền vững của công ty. Công ty không chỉ tạo ra cơ hội việc làm với chế độ đãi ngộ cạnh tranh, mà còn đảm bảo các quyền lợi lao động đầy đủ theo quy định pháp luật, bao gồm BHXH, BHYT, BHTN, đồng thời thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng, đảm bảo công bằng cho mọi ứng viên.

Nhằm tạo môi trường làm việc gắn kết, DVW tổ chức các hoạt động nội bộ như kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 và các sự kiện quan trọng khác, giúp tăng cường tinh thần đoàn kết và gắn bó giữa người lao động và công ty.

Bên cạnh đó, DVW đặc biệt chú trọng đến an toàn lao động, cung cấp trang bị bảo hộ đầy đủ, khám sức khỏe định kỳ và duy trì các điều kiện làm việc an toàn. Công ty cũng khuyến khích phát triển kỹ năng thông qua đào tạo nâng cao tay nghề, hỗ trợ nhân sự có chí cầu tiến nhằm tối ưu hóa năng lực cá nhân và đóng góp vào sự phát triển chung.

Với cam kết chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, DVW tạo dựng môi trường làm việc ổn định, giúp nhân viên an tâm công tác và gắn bó lâu dài, góp phần vào sự phát triển bền vững của công ty.

A background image showing two business professionals in a meeting. A man in a dark suit is on the left, and a woman in a dark blazer is on the right. They are standing in front of a white brick wall. In the foreground, there is a wooden table with a water bottle and some papers. A large number '03' is overlaid on the left side of the image.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

03

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
- Giải trình của Ban Giám Đốc đối với ý kiến kiểm toán



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH SOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Trong năm 2024 hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản của công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2024	TH 2024	% TH 2024/ KH 2024
1	Tổng doanh thu	47.395	46.259	97,60
2	Lợi nhuận trước thuế	8.891	11.315	127,26
3	Lợi nhuận sau thuế	7.869	9.988	126,92
4	Tỷ lệ thất thoát (%)	14,50	13,21	-1,29
5	Tổng số thuế và các khoản phát sinh nộp ngân sách nhà nước	7.098	7.550	106,36
6	Đầu tư XDCB	16.600	625	3,76



6.267 nghìn m³

Sản lượng nước sản xuất



11.315 Triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế



46.259 Triệu đồng

Tổng doanh thu



9.988 Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế

Đánh giá chung

Trong năm 2024 với những thuận lợi và khó khăn trên, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã đồng hành cùng tập thể người lao động trong Công ty không ngừng nỗ lực khắc phục những khó khăn, hạn chế thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đề ra. Sản lượng nước sản xuất và cung cấp đạt chất lượng nước ăn uống sinh hoạt theo quy định đảm bảo cho các khu dân cư, các doanh nghiệp trên địa bàn Công ty quản lý và phục vụ. Thu nhập và đời sống của người lao động từng bước được cải thiện, người lao động an tâm công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thuận lợi

- Được sự quan tâm giúp đỡ của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, đã hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty hoạt động ổn định và hiệu quả
- Sự nỗ lực phấn đấu và sự đoàn kết thống nhất của CB.CNV trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đã đề ra; Người lao động của công ty có trình độ, tay nghề đáp ứng được yêu cầu công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Khách hàng sử dụng nước ổn định, ngày một gia tăng và nguồn nước thô đạt chất lượng, đảm bảo cho công ty khai thác ổn định, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn công ty phục vụ, tạo doanh thu ổn định cho Công ty, kinh doanh có lợi nhuận đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ với Cổ đông, người lao động, nhà nước và nghĩa vụ đối với xã hội.

Khó khăn

- Năm 2024 là một năm nền kinh tế gặp nhiều khó khăn về kinh tế trong nước và thế giới ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - Xã hội và ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho SX và Kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, làm giảm doanh thu lợi nhuận.
- Nhu cầu sử dụng nước gia tăng vượt quá công suất cung cấp của Công ty. Việc xin phép khai thác nước bổ sung thêm (5.000m³/ngày) từ nguồn nước sông Đồng Nai cho Nhà máy nước Hoá An gặp nhiều khó khăn về thủ tục pháp lý cho nên chưa thực hiện được.
- Việc mở rộng nâng công suất Nhà máy nước Hóa An từ 15.000m³/ngày lên 30.000m³/ ngày (theo Quyết định số: 7350/UBND-CNN ngày 11/9/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai), gặp nhiều khó khăn về thu hồi đất thực hiện dự án do vướng quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, bồi thường và giải phóng mặt bằng nên chưa thể triển khai thực hiện được.
- Một số tuyến ống cấp nước trước đây thi công theo hiện trạng, nay nhà nước thi công mở rộng đường theo quy hoạch, các TSCĐ này chưa hết khấu hao, nên Công ty phải tự bỏ chi phí ra đầu tư mới các tuyến ống cấp nước này nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc quản lý MLCN và làm giảm hiệu quả của việc đầu tư HTCN



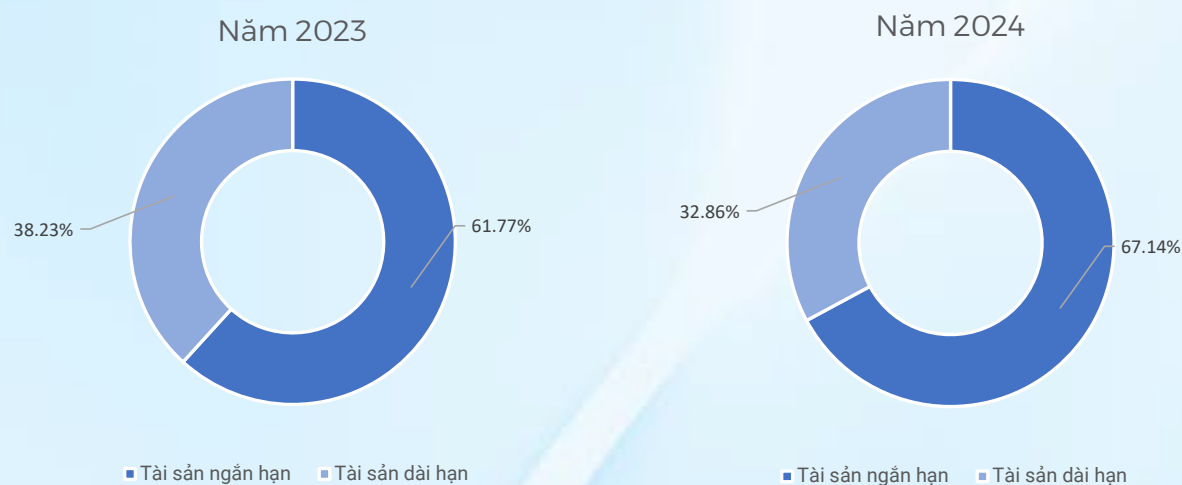
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		%Năm 2024/ Năm 2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	40.123	61,77%	44.937	67,14%	112,00%
Tài sản dài hạn	24.831	38,23%	21.997	32,86%	88,59%
Tổng tài sản	64.955	100,00%	66.934	100,00%	103,05%

Nhận xét



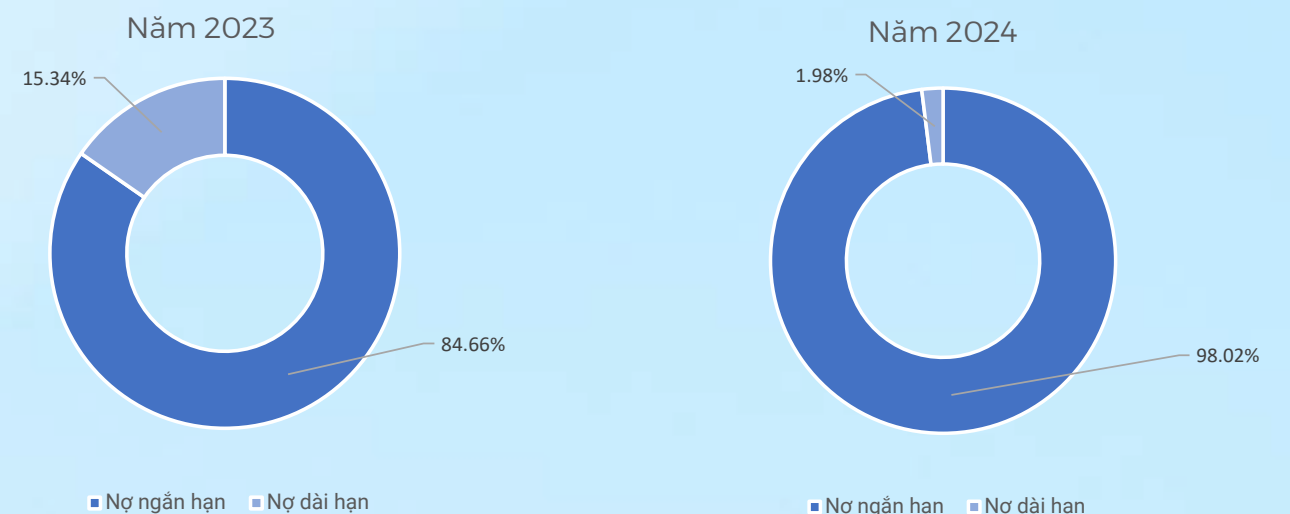
Kết thúc năm 2024, tổng tài sản của Công ty đạt 66.934 triệu đồng, tăng nhẹ 3,05% so với năm 2023, trong đó tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm giữ tỷ trọng lớn tương đương 67,14%. Tài sản ngắn hạn ghi nhận mức tăng 12% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 4.814 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do công ty đã gia tăng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và dự trữ tiền mặt, qua đó nâng cao tính thanh khoản và khả năng thanh toán nợ đến hạn. Ở chiều ngược lại, tài sản dài hạn lại giảm từ 24.831 triệu đồng xuống còn 21.997 triệu đồng, tương đương mức giảm 11,41%. Nguyên nhân là do khấu hao trong năm cao hơn so với mức tài sản cố định hữu hình tăng mới, đồng thời công ty đã hoàn tất một số công trình trong dự án nâng công suất nhà máy nước Hóa An, dẫn đến mức giảm của tài sản dở dang dài hạn. Tình hình tài sản của công ty trong năm 2024 cho thấy sự linh hoạt tài chính cao, đặc biệt là trong việc quản lý tài sản ngắn hạn, giúp công ty duy trì khả năng thanh toán và đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Đồng thời, Công ty nỗ lực duy trì sự cân đối giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định trong tương lai.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		%Năm 2024/ Năm 2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	11.679	84,66%	11.938	98,02%	102,21%
Nợ dài hạn	2.116	15,34%	241	1,98%	11,39%
Tổng nợ phải trả	271.888	100,00%	12.179	100,00%	88,28%

Nhận xét



Tại ngày 31/12/2024, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 12.179 triệu đồng, giảm 11,71% so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu đến từ sự giảm của nợ dài hạn. Trong đó, công ty tiếp tục gia tăng tỷ trọng nợ ngắn hạn lên 98,02% tổng nợ phải trả, phản ánh việc công ty tăng cường tính thanh khoản, khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, phục vụ cho mục tiêu duy trì tính linh hoạt tài chính trong bối cảnh nhu cầu vốn lưu động cao. Cụ thể, nợ ngắn hạn của công ty tăng nhẹ từ 11.679 triệu đồng lên 11.938 triệu đồng, tương đương mức tăng 2,21% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, nợ dài hạn giảm mạnh 88,61%, từ 2.116 triệu đồng xuống còn 241 triệu đồng. Mức giảm này là do trong năm Công ty đã tắt toán khoản nợ vay của Quỹ đầu tư phát triển với giá trị 2.031 triệu đồng, do đó khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 92,31% cùng kỳ. Nhìn chung, tình hình nợ của công ty trong năm 2024 cho thấy công ty đã chủ động trong việc quản lý nợ, giảm thiểu chi phí tài chính dài hạn và duy trì khả năng thanh toán ngắn hạn ổn định.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Cơ cấu Ban điều hành hiện tại bao gồm 04 người: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Công ty chú trọng chuyên môn hóa đầu việc cho từng Ban điều hành, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các ban quản lý và ban quản trị công ty tham gia vào các khóa đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị và điều hành công ty.

Bên cạnh đó, công ty đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ thông tin và triển khai các phần mềm ứng dụng tiên tiến để tối ưu hóa sản xuất, quản lý hệ thống cấp nước, mạng lưới phân phối, quản lý khách hàng, quản lý nhân sự, quản lý Tài chính – kế toán, quản lý dự án và quản lý sản xuất.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	KH 2025
1	Doanh thu	47.080
2	Lợi nhuận sau thuế	8.130
3	Tỷ lệ thất thoát	12
4	Tổng số phát sinh phải nộp NS	7.190
5	Đầu tư XDCB	14.590

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế khó khăn trong năm 2024, phát huy sức mạnh nội lực của Công ty, sự đoàn kết của tập thể CB.CNV phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 được giao; Để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD và Đầu tư XDCB năm 2025, Công ty cần tổ chức triển khai, thực hiện tốt một số các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Về sản xuất và cung cấp nước cho khách hàng

- Thực hiện xin giấy phép khai thác nước mặt thêm 5.000 m³/ngày đêm cho Nhà máy nước Hóa an theo quy định.
- Đánh giá lại hiện trạng mạng lưới cấp nước, khả năng cấp nước, để đưa ra các giải pháp thực hiện đảm bảo cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn 04 phường, TP Biên Hòa (Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa và Tân Vạn) hiện tại và trong những năm tới;
- Tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị,
- khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất an toàn, ổn định, duy trì chất lượng nước cung cấp đạt chất lượng nước ăn uống theo quy định;
- Kiểm tra máy móc, thiết bị đưa ra phương án đầu tư dự phòng các máy móc, thiết bị cần thiết phục vụ công tác sản xuất nước đảm bảo an toàn;
- Tập trung mọi nguồn lực đảm bảo sản lượng nước sản xuất, cung cấp an toàn cho khách hàng và đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2025

Về công tác phòng, chống thất thoát nước

- Đầu tư, cải tạo nâng công suất nhà máy nước Hóa An từ 15.000 m³/ngày lên 20.000 m³/ngày; cải tạo thay thế các tuyến ống cấp nước sắt tráng kẽm, ống PVC bằng ống nhựa HDPE theo kế hoạch được duyệt, hoàn thiện phân vùng cấp nước 04 phường theo quy hoạch mạng lưới cấp nước được duyệt;
- Phối hợp với UBND và các Phòng ban của TP Biên Hòa thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Nhà máy nước Hóa An theo quy định.
- Phối hợp với nhân dân và chính quyền địa phương thỏa thuận mặt bằng thi công các tuyến ống nước theo các tuyến đường có kế hoạch cải tạo nâng cấp, theo hình thức xã hội hóa cấp nước, nhằm nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

Về công tác đầu tư phát triển HTCN, phát triển khách hàng

- Đầu tư, cải tạo nâng công suất nhà máy nước Hóa An từ 15.000 m³/ngày lên 20.000 m³/ngày; cải tạo thay thế các tuyến ống cấp nước sắt tráng kẽm, ống PVC bằng ống nhựa HDPE theo kế hoạch được duyệt, hoàn thiện phân vùng cấp nước 04 phường theo quy hoạch mạng lưới cấp nước được duyệt;
- Phối hợp với UBND và các Phòng ban của TP Biên Hòa thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Nhà máy nước Hóa An theo quy định.
- Phối hợp với nhân dân và chính quyền địa phương thỏa thuận mặt bằng thi công các tuyến ống nước theo các tuyến đường có kế hoạch cải tạo nâng cấp, theo hình thức xã hội hóa cấp nước, nhằm nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư

Về công tác ghi thu và quản lý khách hàng

- Thường xuyên đào tạo nâng cao kỹ năng giao tiếp khách hàng đảm bảo ghi đúng, thu đủ. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác ghi, thu nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm hạn chế những tiêu cực trong việc ghi, cung cấp định mức sử dụng nước của khách hàng;
- Tiếp tục phát triển hoàn thiện các kênh nhờ thu đa dạng, để khách hàng thuận tiện cho việc thanh toán tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu thấp nhất, nâng cao hiệu quả về tài chính.

Về công tác ghi thu và quản lý khách hàng

- Tăng cường công tác kiểm tra, hoàn thiện việc quản lý, bố trí, sử dụng nguồn nhân lực, thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và nguồn lực của Công ty;
- Rà soát hoàn thiện lại cơ cấu bộ máy, sắp xếp lại lao động giữa các ca sản xuất, đội, tổ, quản lý bố trí nhân sự các phòng ban theo yêu cầu công việc, trả lương theo vị trí công việc, hoàn thiện môi trường làm việc cho phù hợp với cơ cấu tổ chức và bộ máy của Công ty.
- Thiết lập các đường dây nóng tiếp nhận thông tin của người dân, khách hàng trong việc đăng ký sử dụng nước, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ khách hàng.
- Tuyên truyền vận động người dân sử dụng nước sạch tiết kiệm, hợp lý cho sản xuất và sinh hoạt.
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong hoạt động SXKD, thỏa thuận vị trí lắp đặt các tuyến ống cấp nước phù hợp với quy hoạch phát triển KT-XH được duyệt.
- Ứng dụng số hóa trong hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty ; ứng dụng các phần mềm tiên tiến cho công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp;
- Hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, làm cơ sở thực hiện và giám sát thực hiện, đảm bảo công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty hiệu quả và hoàn thiện hơn.- Hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, làm cơ sở thực hiện và giám sát thực hiện, đảm bảo công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty hiệu quả và hoàn thiện hơn.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Các chỉ tiêu môi trường

Công ty chú trọng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong toàn bộ quy trình sản xuất. Các hoạt động bảo vệ môi trường bao gồm việc kiểm tra định kỳ chất lượng nước và bảo quản nguyên liệu, hóa chất xử lý theo đúng quy định để đảm bảo hiệu quả trong sản xuất. Công ty cũng thực hiện kiểm soát và đánh giá tác động của các hoạt động sản xuất đối với môi trường, từ đó có biện pháp kịp thời kiểm soát việc sử dụng tài nguyên nước tại khu vực sản xuất và xử lý. Hệ thống xử lý nước được bảo trì và bảo dưỡng định kỳ để duy trì thiết bị hoạt động ổn định, đảm bảo sản lượng nước đạt chất lượng cao. Công ty thường xuyên gửi mẫu nước đi xét nghiệm tại các trung tâm kiểm định để đảm bảo chất lượng nước thành phẩm đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Ngoài ra, công ty cũng xây dựng quy trình kiểm soát nghiêm ngặt trong sản xuất và phân phối nước, giảm thiểu các rủi ro ô nhiễm môi trường. Việc tuân thủ các quy định về khai thác, xả thải và bảo vệ môi trường được thực hiện đầy đủ, đồng thời chú trọng các biện pháp hạn chế ô nhiễm từ hoạt động sản xuất và thi công xây dựng.

Vấn đề người lao động

Yếu tố con người luôn giữ vai trò then chốt, là gốc rễ của sự phát triển bền vững của Công ty. Nhằm đảm bảo tối ưu quyền lợi và sức khỏe cho đội ngũ nhân viên, công ty đã triển khai các chính sách nhân sự toàn diện và hiệu quả, bao gồm: việc điều chỉnh tăng lương hàng năm, đảm bảo mức lương vượt qua mức tối thiểu vùng; cung cấp đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho toàn bộ nhân viên; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm nhằm bảo vệ sức khỏe lâu dài cho cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh đó, công ty đặc biệt chú trọng đến công tác bảo đảm an toàn lao động. Các biện pháp như cung cấp trang phục và thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất đã được thực hiện nghiêm ngặt. Hơn nữa, công ty còn hỗ trợ tài chính cho nhân viên gặp khó khăn và tổ chức thăm hỏi động viên đối với thân nhân của nhân viên khi gặp vấn đề về sức khỏe, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần. Những chính sách này không chỉ tạo động lực làm việc mạnh mẽ cho nhân viên mà còn đóng góp vào sự thành công và phát triển bền vững của công ty.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán độc lập đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

Trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương

Có ảnh hưởng sâu rộng đến sức khỏe cộng đồng, do đó, chất lượng nguồn nước mà công ty cung cấp luôn là yếu tố hàng đầu được chú trọng. Công ty nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng, và luôn cam kết đặt yếu tố này lên trên hết trong mọi hoạt động.

Ngoài việc bảo đảm chất lượng nước sạch đầu ra, công ty còn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội và cộng đồng. Công ty luôn nỗ lực đóng góp cho các quỹ từ thiện và thực

hiện các chương trình hỗ trợ nhằm giúp đỡ những người gặp khó khăn trong cộng đồng.

Đồng thời, công ty cũng chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả và bền vững, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ các hoạt động sản xuất đến môi trường xung quanh. Những nỗ lực này phản ánh cam kết vững chắc của công ty đối với sự phát triển bền vững, mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng và bảo vệ môi trường cho thế hệ tương lai.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

04

- Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất của Công ty năm 2024

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Sản lượng nước sản xuất, cung cấp đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, áp lực nước cung cấp ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư và các doanh nghiệp trên địa bàn Công ty quản lý và phục vụ; Lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch Nghị quyết Đại hội đã đề ra, đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ với Cổ đông, Nhà nước và người lao động; Thu nhập và đời sống của người lao động được cải thiện, an tâm công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng, quan hệ với cổ đông

- Công bố thông tin định kỳ và bất thường: Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, thông tin công bố được thực hiện công khai, minh bạch trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- Công tác quan hệ với cổ đông: Các ý kiến góp ý của quý cổ đông được công ty tiếp thu và giải đáp thỏa đáng, đảm bảo quyền, lợi ích của cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2024 Công ty đã chi trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông Công ty với tổng số tiền đã chi trả là: 4.690.000.000 đồng (tỷ lệ cổ tức 20%VĐL) theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và quy định của Luật thuế.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm vừa qua, Ban Giám đốc đã xây dựng chiến lược rõ ràng và triển khai nhiều hoạt động thiết thực về môi trường, xã hội và cộng đồng. Ưu tiên hàng đầu của HĐQT là quản lý và sử dụng tài nguyên bền vững, thể hiện qua việc đánh giá cao nỗ lực của Công ty trong việc khai thác hợp lý nguồn nước sông Đồng Nai và tiết kiệm điện, nước trong vận hành. Không chỉ chú trọng đến hoạt động kinh doanh, Công ty còn xây dựng văn hóa nội bộ xanh, sạch đẹp, đồng thời tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể nhân viên. HĐQT luôn trân trọng người lao động, xem họ là nền tảng vận hành của tổ chức, do đó chủ trương Ban điều hành cần quan tâm cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần. Bên cạnh đó, nhận thức được trách nhiệm xã hội tương xứng với sự tăng trưởng lợi nhuận, DVW luôn tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng tại tỉnh Đồng Nai. Với những đóng góp này, HĐQT tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục là một thành viên tích cực trong công tác bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- » HĐQT thực hiện chỉ đạo và giám sát Ban điều hành Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty; Giám sát Ban điều hành Công ty trong việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2024 và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định.
- » Thông qua kết quả sản xuất, xây lắp và tình hình tài chính, tình hình hoạt động hàng quý của Công ty. HĐQT đã kịp thời chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty khắc phục những tồn tại, những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo cho hoạt động SXKD của Công ty hoạt động ổn định, có hiệu quả, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành hoạt động SXKD của công ty gắn liền với sự phát triển KT-XH của địa phương, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Cổ đông, Nhà nước, chăm lo tốt đời sống cho người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Xã hội đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Công ty, Cổ đông, Nhà nước và người lao động.
- Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện việc xin cấp phép khai thác nước thô, cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Hóa An từ 15.000m³/ngày lên 20.000m³/ngày theo quy định; Đầu tư, cải tạo các tuyến ống cấp nước hiện hữu nâng khả năng cung cấp đủ nước cho sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn Công ty cung cấp và phục vụ.
- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT; Phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT.
- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, quy định nội bộ Công ty; quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi bổ sung một số quy định, Quy chế có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT để làm cơ sở giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban điều hành Công ty.
- Tăng cường công tác, kiểm tra giám sát Công ty trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD, đầu tư phát triển HTCN, phát triển khách hàng, quản lý HTCN và thực hiện chế độ, tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khác đối với người lao động, người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
- Tổ chức họp HĐQT định kỳ theo quy định, cùng Ban điều hành, BKS và những người quản lý khác của Công ty soát xét kết quả hoạt động SXKD của Công ty hàng quý, qua đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch thực hiện có hiệu quả hơn.
- Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện công tác số hóa và ứng dụng các phần mềm trong việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp; Giám sát công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- Chỉ đạo Ban Giám đốc tuyên truyền, vận động CB.CNV nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 đề ra.
- Tạo điều kiện, môi trường làm việc ổn định, thuận lợi cho Công ty tự chủ trong hoạt động, tự chủ trong sản xuất và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của công ty, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo cung cấp nước ổn định cho các khu dân cư, doanh nghiệp trên địa bàn Công ty quản lý và phục vụ;
- Giám sát công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán, Điều lệ Công ty

QUẢN TRỊ CÔNG TY

05

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính đến ngày 31/12/2024)

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	31/03/2023	
2	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty	31/03/2023	
3	Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên HĐQT không điều hành	31/03/2023	
4	Phạm Ngọc Tú	Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty	31/03/2023	
5	Lê Thành Trung	Thành viên HĐQT không điều hành	31/03/2023	

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CỦA HĐQT TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC

Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HĐQT NĂM 2024

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị thành lập Tổ kiểm toán nội bộ, giúp việc cho HĐQT Công ty.

(Tính đến ngày 31/12/2024)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	5	100%	
2	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty	5	100%	
3	Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên HĐQT không điều hành	5	100%	
4	Phạm Ngọc Tú	Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty	5	100%	
5	Lê Thành Trung	Thành viên HĐQT không điều hành	4	80%	Vắng do công tác đột xuất

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

- Thực hiện Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023; Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng đầu năm 2024 và công bố thông tin theo đúng quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Đồng thời, đảm bảo duy trì thực hiện tốt mối quan hệ giữa HĐQT, Đảng ủy bộ phận và Ban Giám đốc Công ty.
- Chỉ đạo và giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc công ty trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra và Nghị quyết hàng quý của HĐQT; Giám sát công ty trong việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông và nghĩa vụ của công ty đại chúng
- Hàng quý Hội đồng quản trị đã họp đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của HĐQT, kết quả hoạt động SXKD hàng quý của Công ty, xác định phương hướng nhiệm vụ và giải pháp cần thực hiện trong quý kế tiếp để Ban Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện.
- Trong năm 2024. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các họp HĐQT theo đúng quy định; Thành viên HĐQT đã đóng góp những ý kiến thiết thực, hữu ích cho công tác quản trị hoạt động SXKD của công ty, hoàn thành tốt trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CUỘC HỌP

Trong năm 2024 HĐQT họp định kỳ hoặc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đề thông qua các nội dung theo thẩm quyền và ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời chỉ đạo, định hướng cho Ban Giám đốc Công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	01/2024/NQ- HĐQT-DVW	22/01/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua kết quả sơ bộ hoạt động SXKD QIV/2023 và năm 2023 Phương hướng nhiệm vụ SXKD 2024 (dự kiến).	100%
1	01/2024/NQ- HĐQT-DVW	22/01/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua kết quả sơ bộ hoạt động SXKD QIV/2023 và năm 2023 Phương hướng nhiệm vụ SXKD 2024 (dự kiến).	100%
2	02/2024/NQ- HĐQT-DVW	22/01/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua việc mua nước sạch qua đồng hồ tổng của Chi nhánh cấp nước Dĩ An thuộc Công ty CP nước-Môi trường Bình Dương	100%
3	03/2024/NQ- HĐQT-DVW	07/02/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
4	04/NQHĐQT- DVW	27/03/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua kết quả SXKD năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024	100%
5	05/NQHĐQT- DVW	27/03/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua Hồ sơ Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
6	06/NQHĐQT- DVW	27/03/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Quyết toán quỹ lương năm 2023, kế hoạch quỹ lương năm 2024 của người lao động và người quản lý Công ty	100%
7	07/NQHĐQT- DVW	27/03/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua kết quả ước thực hiện SXKD Quý I/2024 và phương hướng nhiệm vụ QII/2024	100%
8	01/QĐHĐQT- DVW	28/03/2024	Quyết định Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
9	02/QĐHĐQT- DVW	28/03/2024	Quyết định Thành lập Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
10	08/NQHĐQT- DVW	02/04/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Thành lập tổ kiểm toán nội bộ, giúp việc cho HĐQT Công ty	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	03/QĐHĐQT- DVW	17/04/2024	Quyết định Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ, giúp việc cho HĐQT Công ty	100%
12	09/2024/ NQHĐQT-DVW	26/04/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để chỉ trả cổ tức năm 2023 bằng tiền	100%
13	10/2024/ NQHĐQT-DVW	26/04/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Chi thưởng người điều hành, người quản lý Công ty năm 2023 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024	100%
14	11/2024/ NQHĐQT-DVW	02/05/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua Quy chế Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	100%
15	04/2024/ QĐHĐQT-DVW	02/05/2024	Quyết định v/v: Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	100%
16	12/2024/ NQHĐQT-DVW	25/07/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua kết quả ước thực hiện SXKD Quý II/2024, phương hướng nhiệm vụ Quý 3 và 06 tháng cuối năm 2024	100%
17	12/2024/ NQHĐQT-DVW	25/07/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua kết quả ước thực hiện SXKD Quý III/2024, Kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ giải pháp thực hiện Quý IV năm 2024	100%
18	13/2024/ NQHĐQT-DVW	19/09/2024	Thông qua kết quả ước thực hiện nhiệm vụ SXKD Quý III/2024. Kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ giải pháp thực hiện quý IV năm 2024	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai không có thành viên hội đồng quản trị độc lập.



Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Khóa đào tạo	Thành phần tham dự	Đơn vị tổ chức
1	Nâng cao chất lượng quản trị công ty và công tác công bố thông tin	- Bà Nguyễn Thị Tân Hường - Phụ trách quản trị Công ty; - Ông Đặng Nguyễn Thanh An - TV HĐQT Công ty.	Tổng Công ty Sonadezi phối hợp cùng Công ty CP Chứng khoán FPT-CN Tp. Hồ Chí Minh tổ chức
2	Hội nghị các Tổ chức đăng ký chứng khoán tại VSDC năm 2024	- Bà Nguyễn Thị Tân Hường - Phụ trách quản trị Công ty; - Ông Đặng Nguyễn Thanh An - TV HĐQT Công ty.	Tổng Công ty Lưu lý và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
3	Khóa tập huấn hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện quy định pháp luật về CBTT và quản trị Công ty	- Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT Công ty - Bà Nguyễn Thị Tân Hường - Phụ trách quản trị Công ty; - Ông Đặng Nguyễn Thanh An -TV HĐQT Công ty. - Ông Lê Chí Nguyên Thăng - Kế toán trưởng Công ty	Văn phòng UBCK Nhà nước tại TP HCM phối hợp cùng Sở GD Chứng khoán và Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam
4	Bồi dưỡng, trao đổi về công tác quản trị công ty và công bố thông tin	- Bà Nguyễn Thị Tân Hường - Thư ký Công ty/Người quản trị Công ty; - Ông Đặng Nguyễn Thanh An -TV HĐQT Công ty; - Ông Lê Chí Nguyên Thăng - Kế toán trưởng Công ty.	Tổng Công ty Sonadezi phối hợp cùng Công ty CP Chứng khoán FPT-CN Tp. Hồ Chí Minh tổ chức





BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS		Trình độ chuyên môn
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng BKS	31/3/2023		Thạc sĩ
2	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên BKS	31/3/2023		Cử nhân
3	Trần Thị Hiền	Thành viên BKS	31/3/2023		Thạc sĩ

(Tính đến ngày 31/12/2024)

Rà soát Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: Không có



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM



Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và được phân công nhiệm vụ như sau

- Nguyễn Thị Mai Hạnh (Trưởng BKS): Chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Ban kiểm soát. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Quy chế hoạt động, giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, công tác tài chính của Công ty, kiểm tra hồ sơ mua sắm TSCĐ, đầu tư XDCB. Phân công nhiệm vụ của các thành viên BKS. Tổng hợp và lập các báo cáo của BKS.
- Ngô Thị Đài Trang (Thành viên BKS): Kiểm tra chi phí SXKD của Công ty, chi phí sản xuất nước, chi phí xây lắp, giá vốn hoạt động SXKD. Kiểm tra, xem xét việc thực hiện các quan hệ, nghĩa vụ của Công ty với cổ đông, nhà đầu tư, nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Trần Thị Hiền (Thành viên BKS): Kiểm tra doanh thu, công nợ phải thu, phải trả. Kiểm tra hồ sơ của các công trình lắp đặt, việc ký kết và thực hiện các hợp đồng lắp đặt. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.



Thực hiện nhiệm vụ năm 2024 của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được qui định. Cụ thể như sau:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trong quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, việc thực hiện qui chế quản trị nội bộ, qui chế tài chính, các quy chế về quản trị doanh nghiệp...
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư XDCB, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông, nghĩa vụ công bố thông tin và các nghĩa vụ của công ty đại chúng...
- Xem xét tính hợp lệ và sự phù hợp các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Xem xét, kiểm tra Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, hàng năm của doanh nghiệp. Phối hợp với Phòng Tài chính kế toán làm rõ các nội dung trong Báo cáo tài chính, đảm bảo tính hợp lệ trong công tác kế toán và quản trị tài chính doanh nghiệp. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023, 6 tháng đầu năm 2024. Xem xét các báo cáo soát xét, báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt được các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, năm.
- Báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.



BAN KIỂM SOÁT

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Mai Hạnh	3	100%	100%	
2	Ngô Thị Đài Trang	3	100%	100%	
3	Trần Thị Hiền	3	100%	100%	

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tiến hành 3 cuộc họp với các nội dung sau:

- Thẩm định BCTC năm 2023, tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2023;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2024;
- Thẩm định BCTC và tình hình hoạt động của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và theo quy chế quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty phát huy năng lực của bộ máy quản trị điều hành, vai trò và trách nhiệm trước CB-CNV, cổ đông của Công ty; chấp hành qui định của pháp luật trong việc quản lý điều hành.

Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi, góp ý với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Ban quản lý điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

Giám sát Công ty trong việc quan hệ với cổ đông: trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thụ lý đơn kiến nghị của ông Trần Chiến Thắng và đã có văn bản trả lời tới những bên có liên quan.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 (VNĐ)	TIỀN THƯỞNG NĂM 2024 (VNĐ)	THÙ LAO NĂM 2024 (VNĐ)
-----	-----------	-----------	---------------------------	----------------------------	------------------------

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	602.400.000	44.000.000	
2	Trần Chiến Thắng	TV. HĐQT, Phó GD Công ty	440.420.000	40.500.000	84.000.000
3	Đặng Nguyễn Thanh An	TV. HĐQT không điều hành	1.000.000	40.500.000	84.000.000
4	Phạm Ngọc Tú	TV.HĐQT không điều hành	446.420.000	40.500.000	84.000.000
5	Lê Thành Trung	Giám đốc		30.000.000	84.000.000
6	Trịnh Hùng Sơn	Kế toán trưởng	515.050.000	30.000.000	
7	Lê Chí Nguyên Thắng	TV.HĐQT	372.940.000	23.000.000	

STT	Họ và tên	Chức danh	TIỀN THƯỞNG NĂM 2024 (VNĐ)	TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO NĂM 2024 (VNĐ)
-----	-----------	-----------	----------------------------	--------------------------------------

Ban kiểm soát

1	Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng BKS	16.500.000	84.000.000
2	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên BKS	9.500.000	60.000.000
3	Trần Thị Hiền	Thành viên BKS	7.000.000	60.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

không có



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết của Tổ chức niêm yết	3600259296	Số 48, đường CMT8, P Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Đồng Nai	17/04/2023 cho đến khi có Hợp đồng nguyên tắc khác thay thế	Số 08/2023/NQ-HĐQT-DVW v/v thông qua chủ trương chấp thuận cho Công ty thực hiện ký kết hợp đồng, giao dịch với các tổ chức có liên quan năm 2023	Mua nước sạch, nước uống đóng chai, thi công lắp đặt hệ thống cấp nước, đồng hồ nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Trong năm 2024 Công ty phát sinh giao dịch mua hàng với Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai với số tiền là 295.732.561 đồng
				04/06/2024	09/2024/NQ-HĐQTDVW ngày 26/4/2024 v/v Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2023	Công ty chỉ tiền cổ tức năm 2023 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai với số tiền là 1.688.400.000 đồng

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty đã tuân thủ đầy đủ và chặt chẽ các quy định về quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả hoạt động theo đúng Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 96/2020/TT-BTC.

HĐQT đã thực hiện giám sát chặt chẽ việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát và Quy chế công bố thông tin, đảm bảo các quyết định quan trọng được triển khai đúng quy trình và phù hợp với lợi ích của cổ đông.

Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ công bố thông tin kịp thời, minh bạch theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngoài ra, công ty đã thực hiện công tác quản trị theo đúng quy định, duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả, đảm bảo lợi ích của công ty, cổ đông và các bên liên quan. Đồng thời không ngừng cải tiến và hoàn thiện hệ thống quản trị, bao gồm Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát, Quy chế công bố thông tin, nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp tốt nhất.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2024

06

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai theo Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600978879, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 3 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DVW.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : + 84 (251) 394 1679
- Fax : + 84 (251) 384 0797

Công ty có nhà máy trực thuộc là Nhà máy nước Hóa An, địa chỉ tại ấp Bình Hóa, xã Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình công nghiệp;
- Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (Không sản xuất tại trụ sở);
- Khai thác nước phục vụ công nghiệp;
- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023
Ông Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023
Ông Phạm Ngọc Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023
Ông Lê Thành Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Hùng Sơn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023
Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trịnh Hùng Sơn - Giám đốc Công ty (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trịnh Hùng Sơn
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Số: 1.0331/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C



Hồ Văn Tùng
 Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Phan Cao Huyền
 Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3523-2021-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.936.508.869	40.123.421.325
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.304.147.884	18.152.141.365
1. Tiền	111	V.1	13.804.147.884	6.652.141.365
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	1.500.000.000	11.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.600.000.000	17.600.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	27.600.000.000	17.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.516.548.921	3.789.080.319
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.126.359.556	5.164.625.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	314.655.755	79.776.257
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	254.397.488	264.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.178.863.878)	(1.719.321.489)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		462.868.065	582.199.641
1. Hàng tồn kho	141	V.7	462.868.065	582.199.641
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.943.999	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	52.943.999	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.997.342.574	24.831.476.648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.764.332.374	24.284.409.453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.666.355.701	24.155.492.784
- Nguyên giá	222		101.273.338.898	100.224.113.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.606.983.197)	(76.068.620.514)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	97.976.673	128.916.669
- Nguyên giá	228		494.700.000	494.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(396.723.327)	(365.783.331)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		233.010.200	547.067.195
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	233.010.200	547.067.195
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		66.933.851.443	64.954.897.973

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.178.932.439	13.795.387.798
I. Nợ ngắn hạn	310		11.937.815.595	11.679.270.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	96.732.402	853.130.447
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	482.205.401	605.048.244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	853.086.630	820.339.263
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.312.954.754	2.129.374.909
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	566.015.305	87.179.554
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	742.071.232	790.979.897
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	1.875.000.000	1.875.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	4.009.749.871	4.518.218.640
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		241.116.844	2.116.116.844
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	84.866.844	84.866.844
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	156.250.000	2.031.250.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.754.919.004	51.159.510.175
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.754.919.004	51.159.510.175
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	23.450.000.000	23.450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.450.000.000	23.450.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	31.510.500	31.510.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	14.227.990.111	11.423.505.145
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	17.045.418.393	16.254.494.530
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.057.864.581	16.254.494.530
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.987.553.812	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		66.933.851.443	64.954.897.973

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thị Hoa
Người lập


Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng


Trịnh Hùng Sơn
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44.432.135.499	44.303.444.241
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.432.135.499	44.303.444.241
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23.504.679.459	24.084.194.387
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.927.456.040	20.219.249.854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.350.580.326	1.560.382.632
7. Chi phí tài chính	22		209.821.000	340.470.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		209.821.000	340.470.000
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	3.789.180.966	3.330.835.942
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.185.681.363	7.747.308.542
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.093.353.037	10.361.018.002
11. Thu nhập khác	31	VI.6	476.347.737	583.099.815
12. Chi phí khác	32	VI.7	254.844.139	261.782.291
13. Lợi nhuận khác	40		221.503.598	321.317.524
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.314.856.635	10.682.335.526
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.327.302.823	1.334.052.305
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.987.553.812	9.348.283.221
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	3.474	3.270
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a	3.474	3.270

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thị Hoa
Người lập


Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng


Trịnh Hùng Sơn
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.314.856.635	10.682.335.526
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	3.569.302.679	3.793.544.742
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(540.457.611)	(33.746.710)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.350.580.326)	(1.560.382.632)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	209.821.000	340.470.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.202.942.377	13.222.220.926
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.012.174.449	6.408.722.967
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		119.331.576	77.821.556
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		840.337.903	(1.501.515.406)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(52.943.999)	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(209.821.000)	(340.470.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.404.803.516)	(1.158.258.807)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(2.210.613.752)	(1.683.176.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.296.604.038	15.025.345.236
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.9, V.11	(934.354.045)	(754.310.195)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(33.600.000.000)	(20.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	23.600.000.000	22.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.350.580.326	1.560.382.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.583.773.719)	2.806.072.437

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.875.000.000)	(1.875.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.20	(4.685.823.800)	(7.033.583.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.560.823.800)	(8.908.583.550)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.847.993.481)	8.922.834.123
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.152.141.365	9.229.307.242
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	15.304.147.884	18.152.141.365

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thị Hoa
Người lập


Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng


Trần Hùng Sơn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kết thúc năm tài chính Công ty có 88 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 93 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận vào từng kỳ (mỗi tháng) dựa trên khối lượng nước (m³) mà khách hàng đã tiêu dùng (chỉ số đồng hồ nước cuối kỳ trừ chỉ số đồng hồ nước đầu kỳ) nhân với đơn giá nước định mức lũy tiến đối với hộ dân cư, đối với các khách hàng còn lại áp dụng đơn giá cố định được công ty công bố theo từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

ĐỒNG
NHỊ
ĐÁN
A &
TP.

IS-C
TY
HỮU
TƯ
C

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	87.305.342	93.630.785
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.716.842.542	6.558.510.580
Các khoản tương đương tiền (Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	1.500.000.000	11.500.000.000
Cộng	15.304.147.884	18.152.141.365

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại các ngân hàng, lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,9%/năm.

3. Phải thu của khách hàng		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	-	1.325.962.997
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	1.325.962.997
Phải thu các khách hàng khác	2.124.770.256	3.838.662.554
Ban Quản lý dự án TP. Biên Hòa	629.127.881	1.289.881.020
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu	-	1.035.265.653
Các hộ dân ở 4 Phường, xã	1.014.451.560	915.808.445
Các khách hàng khác	482.780.115	597.707.436
Cộng	2.126.359.556	5.164.625.551

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	348.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	348.000	-
Trả trước cho các người bán khác	314.307.755	79.776.257
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Môi trường Thuận Lâm Phát (*)	199.185.440	-
Công ty TNHH Thi công Xây lắp Tiến Hào	78.456.920	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Huy Hoàng	28.000.000	28.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Kỹ thuật Labvietchem	-	30.132.000
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	-	11.118.710
Các nhà cung cấp khác	8.665.395	10.525.547
Cộng	314.655.755	79.776.257

(*)Khoản công nợ trả trước tiền mua sắm tài sản cố định.

5. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	214.500.000	-	264.000.000	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	39.897.488	-	-	-
Cộng	254.397.488	-	264.000.000	-

6. Nợ xấu						
		Số cuối năm		Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ban Quản lý dự án TP. Biên Hòa	Trên 03 năm	629.127.881	-	Trên 03 năm	1.289.881.020	-
Ủy ban nhân dân phường Long Bình	Trên 03 năm	119.110.879	-	Trên 03 năm	119.110.879	-
Công ty TNHH Xây dựng Duy Tiên	Trên 03 năm	87.512.173	-	Trên 03 năm	87.512.173	-
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	Trên 03 năm	90.287.933	-	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	18.589.405	13.012.584	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	7.796.310	5.457.417
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	37.085.775	18.542.888	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	39.457.765	19.728.882
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	27.864.960	8.359.488	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	64.282.666	19.284.800
	Từ 03 năm trở lên	209.199.831	-	Trên 03 năm	155.751.775	-
Cộng		1.218.778.837	39.914.959		1.763.792.588	44.471.099

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.719.321.489	1.753.068.199
Hoàn nhập dự phòng	(540.457.611)	(33.746.710)
Số cuối năm	1.178.863.878	1.719.321.489

7. Hàng tồn kho				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	436.102.065	-	523.951.641	-
Công cụ, dụng cụ	26.766.000	-	58.248.000	-
Cộng	462.868.065	-	582.199.641	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn
Chi phí quyền khai thác tài nguyên nước còn phân bổ.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.484.423.234	25.517.388.179	56.724.360.886	497.940.999	100.224.113.298
Mua trong năm	-	-	110.465.850	-	110.465.850
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	938.759.750	-	938.759.750
Số cuối năm	17.484.423.234	25.517.388.179	57.773.586.486	497.940.999	101.273.338.898
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.025.560.134	17.573.958.481	7.715.342.550	460.340.999	32.775.202.164
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.998.111.236	24.505.432.483	35.080.922.454	484.154.341	76.068.620.514
Khấu hao trong năm	395.456.952	473.782.350	2.661.603.378	7.520.004	3.538.362.683
Số cuối năm	16.393.568.188	24.979.214.833	37.742.525.832	491.674.345	79.606.983.197
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.486.311.998	1.011.955.696	21.643.438.432	13.786.658	24.155.492.784
Số cuối năm	1.090.855.046	538.173.346	20.031.060.654	6.266.654	21.666.355.701
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 19.149.500.540 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ đầu tư Phát Triển tỉnh Đồng Nai (xem thuyết minh V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	494.700.000	365.783.331	128.916.669
Khấu hao trong năm	-	30.939.996	-
Số cuối năm	494.700.000	396.723.327	97.976.673
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	340.000.000	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Công trình lắp đặt các tuyến ống cấp nước	545.067.195	616.692.555	(938.759.750)	223.000.000
Công trình khác	2.000.000	8.010.200	-	10.010.200
Cộng	547.067.195	624.702.755	(938.759.750)	233.010.200

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	-	16.701.613
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	16.701.613
Phải trả các nhà cung cấp khác	90.439.402	836.428.834
Công ty TNHH Công nghệ Cao Nhân	52.800.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Đức Cương	10.025.189	200.503.772
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Môi trường Thuận Lâm Phát	-	137.571.210
Công ty Cổ phần DNP Holding	-	127.875.376
Công ty TNHH Song Toàn	-	116.018.473
Các nhà cung cấp khác	33.907.213	254.460.003
Cộng	96.732.402	853.130.447

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	48.579.300	48.579.300
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây lắp Long Hải Vương	30.090.244	30.090.244
Công ty TNHH MTV Đức Nghĩa	6.197.300	6.197.300
Cộng	84.866.844	84.866.844

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Liên hiệp Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Đồng Nai	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trần Minh	200.000.000	200.000.000
Các khách hàng khác	32.205.401	155.048.244
Cộng	482.205.401	605.048.244

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	82.859.690	1.342.252.251	(1.333.357.109)	91.754.832
Thuế thu nhập doanh nghiệp	406.761.096	1.327.302.823	(1.404.803.516)	329.260.403
Thuế thu nhập cá nhân	7.200.000	436.462.993	(396.565.505)	47.097.488
Thuế tài nguyên	19.808.315	233.728.610	(233.783.925)	19.753.000
Tiền thuế đất	-	103.855.923	(103.855.923)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	303.710.162	4.103.089.539	(4.041.578.794)	365.220.907
Cộng	820.339.263	7.549.692.139	(7.516.944.772)	853.086.630

Thuế giá trị gia tăng
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch 05%
- Cung cấp dịch vụ khác:
Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 áp dụng theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau 08 hoặc 10%
Từ ngày 01/07/2024 đến 31/12/2024 áp dụng theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau 08 hoặc 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Công ty áp dụng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.314.856.635	10.682.335.526
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	288.000.000	417.179.554
Thu nhập chịu thuế	11.602.856.635	11.099.515.080
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	9.932.685.036	8.858.507.105
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	1.670.171.599	2.241.007.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.320.571.327	2.219.903.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(993.268.504)	(885.850.711)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.327.302.823	1.334.052.305

Thuế tài nguyên
Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm dùng cho việc cung cấp nước sạch với mức thuế suất là 01%.

Thuế bảo vệ môi trường
Mức phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động
Tiền lương và thưởng phải thanh toán cho nhân viên.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	392.284.602	-
Chi phí tiền điện phải trả	173.730.703	-
Chi phí nhân công phải trả	-	87.179.554
Cộng	566.015.305	87.179.554

17. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	104.461.980	104.461.980
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai - Phải trả tiền nước thu hộ	104.461.980	104.461.980
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	637.609.252	686.517.917
Kinh phí công đoàn	193.122.832	193.122.832
Chi phí đồng phục nhân viên	176.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	24.638.650	25.327.190
Bảo hiểm y tế	30.667.850	31.964.780
Bảo hiểm thất nghiệp	39.795.697	40.594.777
Cổ tức phải trả	6.867.455	2.691.255
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	85.000.000	75.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	81.516.768	317.817.083
Cộng	742.071.232	790.979.897

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay
18a. Vay ngắn hạn
Khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.875.000.000	1.875.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	1.875.000.000	1.875.000.000
Số tiền vay đã trả	(1.875.000.000)	(1.875.000.000)
Số cuối năm	1.875.000.000	1.875.000.000

18b. Vay dài hạn
Khoản vay dài hạn của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai để đầu tư xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước 04 phường, xã với lãi suất 07%/năm, thời hạn vay 08 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Từ 01 năm trở xuống	1.875.000.000	1.875.000.000	
Trên 01 năm đến 05 năm	156.250.000	2.031.250.000	
Cộng	2.031.250.000	3.906.250.000	
Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:			
	Năm nay	Năm trước	
Số đầu năm	2.031.250.000	3.906.250.000	
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.875.000.000)	(1.875.000.000)	
Số cuối năm	156.250.000	2.031.250.000	

18c. **Vay quá hạn chưa thanh toán**
Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.522.295.370	373.931.329	(1.028.280.000)	2.867.946.699
Quỹ phúc lợi	995.923.270	1.028.311.154	(882.431.252)	1.141.803.172
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	299.902.500	(299.902.500)	-
Cộng	4.518.218.640	1.702.144.983	(2.210.613.752)	4.009.749.871

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	23.450.000.000	31.510.500	9.434.528.053	17.745.921.220	50.661.959.773
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	9.348.283.221	9.348.283.221
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	1.988.977.092	(3.804.709.911)	(1.815.732.819)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(7.035.000.000)	(7.035.000.000)
Số dư cuối năm trước	23.450.000.000	31.510.500	11.423.505.145	16.254.494.530	51.159.510.175
Số dư đầu năm nay	23.450.000.000	31.510.500	11.423.505.145	16.254.494.530	51.159.510.175
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	9.987.553.812	9.987.553.812
Trích lập các quỹ năm nay	-	-	2.804.484.966	(4.506.629.949)	(1.702.144.983)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(4.690.000.000)	(4.690.000.000)
Số dư cuối năm nay	23.450.000.000	31.510.500	14.227.990.111	17.045.418.393	54.754.919.004

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	8.442.000.000	8.442.000.000
Các cổ đông khác	15.008.000.000	15.008.000.000
Cộng	23.450.000.000	23.450.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.345.000	2.345.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.345.000	2.345.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.345.000	2.345.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.345.000	2.345.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.345.000	2.345.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHCD-DVW ngày 09 tháng 4 năm 2024 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	4.690.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.804.484.966
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.402.242.483
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	299.902.500

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cấp nước	43.096.173.900	41.059.915.950
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.335.961.599	3.243.528.291
Cộng	44.432.135.499	44.303.444.241

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Năm nay Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (năm trước phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai với số tiền 1.946.142.074 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động cấp nước	22.773.496.568	20.635.267.275
Giá vốn hoạt động xây lắp	731.182.891	3.448.927.112
Cộng	23.504.679.459	24.084.194.387

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.149.275.435	2.005.175.780
Chi phí vật liệu, bao bì	819.969.390	449.811.037
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	51.290.909	85.507.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.939.996	25.783.331
Chi phí bảo hành	165.660.733	298.755.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.523.373	445.758.844
Các chi phí khác	48.521.130	20.044.330
Cộng	3.789.180.966	3.330.835.942

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.079.366.453	6.017.901.250
Chi phí vật liệu quản lý	394.529.602	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	196.355.021	204.750.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.483.488	106.806.816
Thuế, phí và lệ phí	67.199.618	63.574.939
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(540.457.611)	(33.746.710)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	544.566.083	905.367.735
Các chi phí khác	328.638.709	482.654.426
Cộng	7.185.681.363	7.747.308.542

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu phí bảo vệ môi trường nước thải	403.641.585	386.012.623
Thu tiền bảo trì trụ cứu hỏa	72.450.000	197.087.192
Các khoản khác	256.152	-
Cộng	476.347.737	583.099.815

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bảo vệ môi trường	104.650.000	253.719.500
Các khoản khác	150.194.139	8.062.791
Cộng	254.844.139	261.782.291

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.987.553.812	9.348.283.221
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành ⁽ⁱ⁾	(1.840.706.168)	(1.679.886.495)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	8.146.847.644	7.668.396.726
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2.345.000	2.345.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.474	3.270

- (i) Theo kế hoạch phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2024 của Công ty đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, Công ty ước tính dự kiến các khoản giảm trừ để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu như sau:
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi tính theo tỷ lệ trích là 14% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2024 của Công ty.
 - Quỹ thưởng người quản lý: tính theo tỷ lệ trích là 3,43% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Tỷ lệ này xác định theo quỹ thưởng người quản lý kế hoạch (1,5 tháng lương bình quân thực hiện) chia cho lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.655.541.318	3.152.499.924
Chi phí nhân công	20.062.465.571	20.221.462.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.569.302.679	3.793.544.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.836.516.116	5.894.906.823
Chi phí khác	1.355.716.104	2.099.924.885
Cộng	34.479.541.788	35.162.338.871

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát</i>			
Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm nay
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	646.400.000	641.908.000
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	564.920.000	565.092.000
Ông Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên HĐQT	125.500.000	149.428.000
Ông Phạm Ngọc Tú	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	570.920.000	597.124.000
Ông Lê Thành Trung	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023)	114.000.000	63.000.000
Ông Trịnh Hùng Sơn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023)	545.050.000	267.000.000
Ông Lê Chí Nguyễn Thăng	Kế toán trưởng	395.940.000	398.368.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023)	100.500.000	63.000.000
Bà Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023)	-	205.692.000
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên ban kiểm soát	69.500.000	70.000.000
Bà Đặng Thị Thắm	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023)	-	25.000.000
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023)	67.000.000	45.000.000
Cộng		3.199.730.000	3.090.612.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác
Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai là cổ đông lớn của Công ty (sở hữu 36% vốn điều lệ).

Giao dịch với bên liên quan khác
Ngoài giao dịch cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng	295.732.561	125.772.284
Chia cổ tức	1.688.400.000	2.532.600.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.12 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận
Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 2 lĩnh vực là cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ xây lắp và được thực hiện ở tỉnh Đồng Nai. Do đó, Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh			
Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:			
- Lĩnh vực cung cấp nước sạch - Lĩnh vực cung cấp dịch vụ xây lắp			
Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực cung cấp nước sạch	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ xây lắp	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	43.096.173.900	1.335.961.599	44.432.135.499
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.096.173.900	1.335.961.599	44.432.135.499
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.322.677.332	604.778.708	20.927.456.040
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(10.974.862.329)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			9.952.593.711
Doanh thu hoạt động tài chính			1.350.580.326
Chi phí tài chính			(209.821.000)
Thu nhập khác			476.347.737
Chi phí khác			(254.844.139)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.327.302.823)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			9.987.553.812
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	735.168.605	-	735.168.605
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.553.958.531	15.344.148	3.569.302.679
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	41.059.915.950	3.243.528.291	44.303.444.241
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.059.915.950	3.243.528.291	44.303.444.241
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.424.648.675	(205.398.821)	20.219.249.854
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(11.078.144.484)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			9.141.105.370
Doanh thu hoạt động tài chính			1.560.382.632
Chi phí tài chính			(340.470.000)
Thu nhập khác			583.099.815
Chi phí khác			(261.782.291)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.334.052.305)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			9.348.283.221
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	754.310.195	-	754.310.195

	Lĩnh vực cung cấp nước sạch	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ xây lắp	Cộng
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>3.744.559.906</i>	<i>48.984.836</i>	<i>3.793.544.742</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực cung cấp nước sạch	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ xây lắp	Cộng
Số cuối năm			
Các tài sản phân bổ theo bộ phận	23.406.117.017	314.655.755	23.720.772.772
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			43.212.943.009
Tổng tài sản			66.933.715.781
Nợ phải trả phân bổ theo bộ phận	32.205.401	546.732.402	578.937.803
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			11.599.858.974
Tổng nợ phải trả			12.178.796.777
Số đầu năm			
Các tài sản phân bổ theo bộ phận	26.521.174.697	2.417.581.911	28.938.756.608
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			36.016.141.365
Tổng tài sản			64.954.897.973
Nợ phải trả phân bổ theo bộ phận	122.163.315	1.336.015.376	1.458.178.691
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			12.337.209.107
Tổng nợ phải trả			13.795.387.798

- 2b. **Thông tin về khu vực địa lý**
Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.
3. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kết thúc năm tài chính**
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thị Hoa
Người lập biểu


Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng


Trịnh Hùng Sơn
Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



Số 52 đường Cách mạng tháng 8, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai



(0251) 3941679



dvxdcn@yahoo.com.vn



<https://www.dvxdcn.com/>



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 09 tháng 4 năm 2025
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



GIAM ĐOC

Trịnh Hùng Sơn